

“Lại nữa, Thánh đệ tử chẳng nghe Đại Sư nói pháp, cũng chẳng nghe từ bậc minh trí được các vị phạm hạnh tôn trọng nói lại, cũng chẳng có thể đọc lại những điều đã được thọ trì trước kia, cũng chẳng có thể với pháp đã được nghe trước kia mà nói rộng cho người khác; nhưng đối với pháp đã được nghe trước kia một mình ở chỗ vắng vẻ tư duy quán sát. Tư duy quán sát như vậy, như vậy rồi, như vậy mà thâm nhập có tín đối với Chánh pháp.

“Như thế từ người khác được nghe, bên trong chánh tư duy. Đó gọi là chánh kiến chưa khởi khiến khởi; chánh kiến đã khởi làm cho rộng thêm. Đó gọi là tuệ thân⁴¹ chưa đầy đủ làm cho đầy đủ; tuệ thân đã đầy đủ rồi, tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn, cho đến luôn luôn nhiếp thọ; đó gọi là Kiến tịnh đoạn⁴².

“Này các Hổ chủng, thế nào gọi là Giải thoát thanh tịnh đoạn? Thánh đệ tử đối với tâm tham mà vô dục được giải thoát; đối với tâm sân, si mà vô dục được giải thoát. Giải thoát như thế chưa đầy đủ khiến cho đầy đủ; đã đầy đủ rồi tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn, cho đến luôn luôn nhiếp thọ; đó gọi là Giải thoát tịnh đoạn⁴³.”

Sau khi nghe Tôn giả A-nan chỉ dạy xong, các thiếu niên làng Bà-đầu, tùy hỷ, hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

**
*

KINH 566. NA-GIÀ-ĐẠT-ĐA (1)⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la⁴⁵, cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ có trưởng giả Chát-đa-la⁴⁶ đến

⁴¹. Nguyên Hán chép nhầm là giới thân 戒身.

⁴². Pāli: diṭṭhipārisuddhipadhāniyaṅgaṃ, kiến thanh tịnh căn chi.

⁴³. Pāli: vimuttipārisuddhipadhāniyaṅgaṃ, giải thoát thanh tịnh căn chi.

⁴⁴. Ấn Thuận, “33. Tương ứng Chát-đa-la” gồm các kinh, Đại Chánh 566-575. phần lớn tương đương Pāli S.41. Cittasamyutta. Đại Chánh kinh 566, Pāli, S.41.5 Kāmaḥhū.

⁴⁵. Am-la tụ lạc Am-la lâm 菴羅聚落菴羅林. Pāli: Macchikāsaṇḍe Ambāṭakavane.

⁴⁶. Chát-đa-la trưởng giả 質多羅長者. Pāli: Citta-gahapati.

chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa vì trưởng giả Chát-đa-la nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, các Thượng tọa ngồi im lặng. Trưởng giả Chát-đa-la liền cúi đầu đánh lễ các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đi đến phòng Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa; đánh lễ Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa, rồi ngồi lui qua một bên. Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chát-đa-la:

“Có lời nói như vậy:

*Chi xanh⁴⁷ được phủ trắng⁴⁸
Xe một bánh lăn quay;
Lìa kết, đến quán sát,
Cắt dòng, chẳng còn trôi.*

“Này Trưởng giả, bài kệ này có nghĩa gì?”

Trưởng giả Chát-đa-la thưa:

“Tôn giả Na-già-đạt-đa, có phải Đức Thế Tôn nói bài kệ này không?”

“Phải.”

Chát-đa-la thưa Tôn giả Na-già-đạt-đa:

“Xin Tôn giả im lặng chốc lát, tôi sẽ suy nghĩ ý nghĩa này.”

Sau một hồi im lặng suy nghĩ, Chát-đa-la nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa:

“Xanh nghĩa là Giới⁴⁹. Phủ trắng⁵⁰ là giải thoát. Một bánh là thân niệm. Quay là quay ra. Xe là chỉ quán⁵¹. Lìa kết⁵², có ba thứ kết là

⁴⁷. Xem cht.49 dưới.

⁴⁸. Xem cht.50 dưới.

⁴⁹. Hán: chi thanh 枝青 (cành cây xanh). Pāli: nelaṅga, chi phần không khuyết điểm. Bản Hán đọc: nila: mau xanh, thay vì nela: không khuyết điểm, không tội lỗi.

⁵⁰. Hán: bạch phủ 白覆. Pāli: setapacchāda, lọng trắng.

⁵¹. Pāli: ratho... imasseta cātumahābhūtikassa kāyassa adhivacanam, xe đồng nghĩa với thân bốn đại này.

⁵². Ly kết 離結. Pāli: anīgham, không khổ, không động chuyển.

tham, sân, si. A-la-hán kia đã dứt sạch các lậu, đã diệt, đã biến tri, đã cắt đứt rễ, như chặt ngọn cây đa-la không sanh trở lại nữa, đời vị lai thành pháp bất sanh.

“Quán sát⁵³ nghĩa là thấy. Đến, là người đến⁵⁴.

“Cắt dòng⁵⁵, nghĩa là dòng ái nơi sanh tử. Tỳ-kheo A-la-hán kia đã dứt sạch các lậu, đã diệt, đã biến tri, đã cắt đứt rễ, như chặt ngọn cây đa-la không sanh trở lại nữa, đời vị lai thành pháp bất sanh.

“Chẳng còn trói⁵⁶, là ba hệ phược: tham dục phược, sân nhuế phược, ngu si phược. Tỳ-kheo A-la-hán kia đã dứt sạch các lậu, đã diệt, đã biến tri, đã cắt đứt rễ, như chặt ngọn cây đa-la không sanh trở lại nữa, đời vị lai thành pháp bất sanh.

“Thế nên, này Tôn giả Na-già-đạt-đa, Thế Tôn nói bài kệ này:

*“Chi xanh được phủ trắng
Xe một bánh lăn quay;
Lìa kết, quán sát đến,
Cắt dòng, chẳng còn trói.”*

“Thế Tôn nói bài kệ này, tôi đã phân biệt rồi.”

Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chát-đa-la:

“Ông đã nghe nghĩa này trước rồi chăng?”

“Thưa, không được nghe.”

Tôn giả Na-già-đạt-đa nói:

“Này Trưởng giả, ông được lợi ích tốt lành, ở nơi Phật pháp sâu xa này mà được thâm nhập bằng tuệ nhãn của Hiền thánh.”

Trưởng giả Chát-đa-la sau khi nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, tùy hỷ, hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

**
*

⁵³. Pāli: passa, hãy nhìn!

⁵⁴. Pāli: āyantam, người đang đến.

⁵⁵. Hán: đoạn lưu 斷流. Pāli: chinnaṣoṭṭam.

⁵⁶. Hán: bất phục phược 不復縛. Pāli: abandhana, không bị cột trói.

KINH 567. NA-GIÀ-ĐẠT-ĐA (2)⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ có trưởng giả Chát-đa-la đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa vì trưởng giả Chát-đa-la nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, các Thượng tọa ngồi im lặng. Trưởng giả Chát-đa-la liền cúi đầu đánh lễ các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đi đến phòng Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa; đánh lễ Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa, rồi ngồi lui qua một bên. Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chát-đa-la:

“Có vô lượng tâm tam-muội, vô tướng tâm tam-muội, vô sở hữu tâm tam-muội, không tâm tam-muội. Thế nào, trưởng giả, các pháp này vì có nhiều nghĩa khác nhau nên có nhiều tên khác nhau, hay là chỉ có một nghĩa mà có nhiều tên?”

Trưởng giả Chát-đa-la hỏi Tôn giả Na-già-đạt-đa:

“Các tam-muội này là do Thế Tôn nói hay Tôn giả tự ý nói?”

Tôn giả Na-già-đạt-đa đáp:

“Đây là do Thế Tôn nói.”

Trưởng giả Chát-đa-la thưa Tôn giả Na-già-đạt-đa:

“Xin cho tôi được suy nghĩ một chút nghĩa này, rồi sẽ trả lời.”

Sau giây lát suy nghĩ, trưởng giả nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa:

“Có pháp gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều vị khác nhau, có pháp chỉ một nghĩa mà nhiều vị.”

Tôn giả Na-già-đạt-đa lại hỏi trưởng giả:

“Thế nào là có pháp nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều vị khác nhau?”

Trưởng giả Chát-đa-la đáp:

“Vô lượng tâm tam-muội⁵⁸, nghĩa là tâm của Thánh đệ tử câu hữu

⁵⁷. Pāli, S.41.7 Godatta.

⁵⁸. Vô lượng tâm tam-muội 無量心三昧. Pāli: appamānā cetovimutti, tâm giải thoát không hạn lượng.

với từ, không oán, không hận, không sân, khoan dung, rộng lớn, tu tập vô lượng, duyên khắp mọi phương. Cũng thế phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư, trên dưới tất cả tâm câu hữu với từ, không oán, không hận, không sân, khoan dung, rộng lớn, tu tập vô lượng, sung mãn khắp mọi phương, duyên khắp tất cả thế gian mà an trú. Đó gọi là vô lượng tâm tam-muội.

“Thế nào là vô tướng tâm tam-muội⁵⁹? Thánh đệ tử đối với tất cả tướng đều không niệm tướng, tự thân tác chứng vô tướng tâm tam-muội. Đó gọi là vô tướng tâm tam-muội.

“Thế nào gọi là vô sở hữu tâm tam-muội⁶⁰? Thánh đệ tử vượt qua tất cả vô lượng thức nhập xứ, vô sở hữu, trụ vô sở hữu. Đó gọi là vô sở hữu tâm tam-muội.

“Thế nào gọi là không tâm tam-muội⁶¹? Thánh đệ tử, thế gian trống rỗng⁶², quan sát như thật rằng thế gian trống rỗng, thường trụ, không biến đổi, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Đó gọi là không tâm tam-muội.

“Đó gọi là pháp gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều vị.”

Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả:

“Thế nào là pháp chỉ có một nghĩa mà có nhiều vị?”

“Thưa Tôn giả, tham là có lượng⁶³. Nếu vô tránh, là đệ nhất vô lượng⁶⁴. Nghĩa là, tham là có tướng; nhuế, si là có tướng; vô tránh là vô tướng. Tham là sở hữu, sân nhuế là sở hữu, vô tránh là vô sở hữu. Lại nữa, vô tránh là trống không, không có tham, không có sân, không có si, trống không thường trụ chẳng biến đổi, không phải ngã, không phải ngã sở. Đó là pháp chỉ có một nghĩa mà có nhiều vị.”

Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi:

⁵⁹. Vô tướng tâm tam muội 無相心三昧. Pāli: animittā cetovimutti, tâm giải thoát vô tướng.

⁶⁰. Vô sở hữu tâm tam-muội 無所有心三昧. Pāli: akiñcaññā cetovimutti.

⁶¹. Không tâm tam-muội 空心三昧. Pāli: sūññā cetovimutti.

⁶². Bản Pāli: Tỳ-kheo vào rừng,..., hay nhà trống, tư duy, “Cái này trống không; không có ngã và ngã sở”.

⁶³. Pāli: rāgo bhante pamāṇakaraṇo, tham là cái làm ra hạn lượng.

⁶⁴. Pāli: trong tất cả vô lượng tâm giải thoát, bất động tâm giải thoát là bậc nhất: akuppā tāsam cetovimutti aggam akkhāyati.

“Thế nào, trưởng giả, nghĩa này ông đã nghe trước rồi phải không?”

“Thưa Tôn giả con không nghe.”

Tôn giả Na-già-đạt-đa lại bảo trưởng giả:

“Này Trưởng giả, ông được lợi ích lớn, ở nơi Phật pháp sâu xa này mà được thâm nhập bằng tuệ nhãn của Hiền thánh.”

Trưởng giả Chát-đa-la sau khi nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, tùy hỷ, hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

Sau khi trưởng giả nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

**
*

KINH 568. GIÀ-MA⁶⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ, trưởng giả Chát-đa-la đến đánh lễ các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đến đánh lễ Tỳ-kheo Già-ma⁶⁶, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tỳ-kheo Già-ma:

“Hành, thế nào gọi là hành⁶⁷?”

Tỳ-kheo Già-ma đáp:

“Hành, nghĩa là có ba hành: thân hành, khẩu hành và ý hành.”

“Thế nào là thân hành, thế nào là khẩu hành, thế nào là ý hành?”

“Này Trưởng giả, hơi thở ra vào là thân hành; có giác, có quán gọi là khẩu hành; tưởng, tư gọi là ý hành.”

“Vì sao hơi thở ra vào gọi là thân hành; có giác, có quán⁶⁸ gọi là khẩu hành; có tưởng, tư⁶⁹ gọi là ý hành? Này Trưởng giả, hơi thở ra vào là pháp của thân, y nơi thân, thuộc nơi thân, nương nơi thân mà chuyển, do đó hơi thở ra vào gọi là thân hành. Vì có giác, có quán nên miệng nói năng, thế nên có giác, có quán gọi là khẩu hành. Tưởng, tư

⁶⁵. Pāli, S.41.6 Kāmaḥū (2).

⁶⁶. Nguyên bản viết *già* 伽 . Trên kia, kinh 559, viết là *ca* 迦 .

⁶⁷. Hành 行. Pāli: saṅkhāra; ở đây chỉ hành vi.

⁶⁸. Hán: giác hữu quán 覺有觀. Pāli: (sa)vitakka-(sa)vicāra.

⁶⁹. Hán: tưởng tư 想思. Pāli: saññā ca vedanā.

là ý hành. Nương nơi tâm, thuộc về tâm, y tâm mà chuyển, do đó tướng, tư là ý hành.”

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

“Giác, quán rồi phát ra miệng nói, thế nên giác, quán thuộc về khẩu hành. Tướng, tư là tâm sở pháp, nương nơi tâm, thuộc nơi tâm mà tướng chuyển, thế nên tướng, tư gọi là ý hành.”

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả có bao nhiêu pháp:

*Lúc người bỏ thân này,
Thân xác nằm trên đất,
Ném vào trong gò mả,
Vô tâm như gỗ đá?*

Tôn giả đáp lại:

*Hơi ấm, thọ và thức,
Lúc xả thân đều bỏ,
Thân kia trong gò mả,
Vô tri như gỗ đá.*

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

“Người chết và người nhập chánh thọ Diệt tận⁷⁰ có khác nhau không?”

“– Xả thọ và hơi ấm, các căn hư hoại, thân mạng phân ly, đó gọi là chết. Người Diệt tận định, thân, khẩu, ý hành diệt, nhưng không xả thọ mạng, chẳng lìa hơi ấm, các căn không hoại, thân mạng thuộc nhau. Đó là tướng sai khác giữa người chết và người nhập Diệt tận định.”

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

“Thế nào là nhập Diệt tận chánh thọ?”

“– Trưởng giả, người nhập Diệt tận chánh thọ không nói, ‘ta đang nhập Diệt tận chánh thọ, ta sẽ nhập Diệt tận chánh thọ’. Nhưng trước đó đã làm phương tiện tắt dần như thế; như phương tiện từ trước, hướng đến nhập Diệt tận chánh thọ.”

“Lúc nhập Diệt tận chánh thọ, trước hết diệt pháp gì, là diệt thân hành, khẩu hành hay ý hành?”

⁷⁰. Diệt tận chánh thọ 滅盡正受, tức diệt tận định, hay tướng tri diệt tận định.
Pāli: saññvedayita-nirodha-samāpatti.

“– Này Trưởng giả, người nhập Diệt tận chánh thọ trước hết diệt khẩu hành, kế đến thân hành, sau đó là ý hành.”

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

“Thế nào là xuất Diệt tận chánh thọ?”

Tôn giả đáp:

“Trưởng giả, người xuất Diệt tận chánh thọ cũng không nghĩ rằng: ‘Ta nay xuất chánh thọ, ta sẽ xuất chánh thọ’. Nhưng trước kia đã tác thành tâm phương tiện; như tâm trước kia mà khởi.”

“Khởi Diệt tận chánh thọ, pháp nào khởi trước, là thân hành, khẩu hành hay ý hành?”

“– Này Trưởng giả, từ Diệt tận chánh thọ khởi, ý hành khởi trước, kế đến thân hành, rồi đến khẩu hành.”

“Tôn giả, sự nhập Diệt tận định, thế nào là thuận xuôi, chảy xuôi, chảy sâu⁷¹?”

“– Này Trưởng giả, sự nhập Diệt tận chánh thọ thuận xuôi về viễn ly, chảy xuôi về viễn ly, chảy sâu về viễn ly; thuận xuôi về xuất ly, chảy xuôi về xuất ly, chảy sâu về xuất ly; thuận xuôi Niết-bàn, chảy xuôi Niết-bàn, chảy sâu vào Niết-bàn.”

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

“Lúc trụ Diệt tận chánh thọ, được xúc bởi bao nhiêu xúc?”

Tôn giả đáp:

“– Này Trưởng giả, xúc bất động, xúc vô tướng, xúc vô sở hữu.”

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

“Lúc nhập Diệt tận chánh thọ, tác thành bao nhiêu pháp?”

Tôn giả đáp:

“Này Trưởng giả, điều ấy nên hỏi trước, sao đến bây giờ mới hỏi? Nhưng tôi cũng nói cho ông biết. Tỳ-kheo nhập Diệt tận chánh thọ tu hai pháp: Chỉ và quán.”

Sau khi trưởng giả Chấ-đa-la nghe Tôn giả nói xong, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ rồi đi.

**
*

⁷¹. Hán: thuận thú, lưu chú, tuấn thâu 順趣, 流注, 浚輸. Pāli:… kimnam cittam hoti, kimponam kimpabbhāran 'ti, tâm hướng đến cái gì, nghiêng về cái gì, xuôi theo cái gì.

KINH 569. LÊ-TÊ-ĐẠT-ĐA (1)⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ, có trưởng giả Chát-đa-la đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa vì trưởng giả Chát-đa-la nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi nói pháp bằng nhiều hình thức, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, các Thượng tọa ngồi im lặng.

Trưởng giả Chát-đa-la liền rời khỏi chỗ ngồi, trích vai áo bên phải, quỳ gối chấp tay thưa thỉnh các Thượng tọa:

“Con cúi xin chư tôn nhận lễ cúng dường, bữa ăn đạm bạc của con.”

Khi ấy các Thượng tọa im lặng nhận lời. Trưởng giả biết các Thượng tọa đã im lặng nhận lời mời, vội vã đánh lễ rồi lui. Về nhà, sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống, trải chỗ ngồi. Sáng sớm, sai người đến báo đã đến giờ. Các Thượng tọa đều đắp y mang bát đến nhà trưởng giả, ngồi vào chỗ ngồi dọn sẵn. Trưởng giả cúi đầu đánh lễ các Thượng tọa, rồi ngồi lui qua một bên thưa rằng:

“Thưa các Thượng tọa, gọi là đa dạng giới⁷³. Vậy thế nào là đa dạng giới?”

Bấy giờ, các Thượng tọa im lặng. Ba lần thưa như vậy. Lúc ấy Tôn giả Lê-tê-đạt-đa⁷⁴ ngồi hạ tọa trong chúng, thưa với các Tỳ-kheo Thượng tọa:

“Thưa các Tôn giả, con muốn đáp câu hỏi của trưởng giả này.”

Các Thượng tọa đáp:

“Được.”

Trưởng giả Chát-đa-la liền hỏi:

“Thưa Tôn giả, đa dạng giới; những gì là đa dạng giới?”

Lê-tê-đạt-đa đáp:

⁷². Pāli, S.41.2 Isidatta (1).

⁷³. Chúng chúng giới 種種界 . Pāli: dhātunānattam.

⁷⁴. Lê-tê-đạt-đa 梨摩達多 . Pāli: Isidatta.

“Này trưởng giả, nhãn giới khác, sắc giới khác, nhãn thức giới khác; nhĩ giới khác, thanh giới khác, nhĩ thức giới khác; tỷ giới khác, hương giới khác, tỷ thức giới khác; thiệt giới khác, vị giới khác, thiệt thức giới khác; thân giới khác, xúc giới khác, thân thức giới khác; ý giới khác, pháp giới khác, ý thức giới khác. Như vậy, Trưởng giả, đó gọi là đa dạng giới.”

Bấy giờ, trưởng giả Chấ-đa-la đem các thứ thức ăn ngon lành, tinh khiết cúng dường. Sau khi chúng Tăng thọ thực, súc miệng, cất y bát xong, trưởng giả Chấ-đa-la trải một chỗ ngồi thấp ở trước các Thượng tọa để nghe pháp.

Các Thượng tọa vì trưởng giả nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, sau đó các Thượng tọa rời chỗ ngồi mà đi. Dọc đường các Thượng tọa nói với Lê-tê-đạt-đa:

“Lành thay, lành thay! Tỳ-kheo Lê-tê-đạt-đa, ông thật khéo biện tài và nói rất đúng lúc. Nếu ở trường hợp khác, ông cũng nên ứng đáp như vậy.”

Các Thượng tọa sau khi nghe những lời của Lê-tê-đạt-đa, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 570. LÊ-TÊ-ĐẠT-ĐA (2)⁷⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la cùng với chúng Tăng gồm các Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ, trưởng giả Chấ-đa-la đến chỗ các Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, thưa các Thượng tọa:

“Theo cái thấy của thế gian, có người nói có ngã, hoặc nói chúng sanh, hoặc nói thọ mạng, hoặc nói việc tốt xấu ở thế gian. Thế nào, thưa Tôn giả, có sở kiến khác nhau đó là do gốc gì, tập gì, sanh gì, chuyển gì⁷⁶?”

Các Thượng tọa im lặng chẳng đáp. Được hỏi ba lần như vậy, các

⁷⁵. Pāli, S.41.3 Isidatta (2).

⁷⁶. Hà bản, hà tập, hà sanh, hà chuyển 何本, 何集, 何生, 何轉; xem cht.104, kinh 57.

Thượng tọa vẫn im lặng. Bấy giờ, có Tỳ-kheo hạ tọa là Lê-tê-đạt-đa thưa với các Thượng tọa:

“Thưa các Thượng tọa, con muốn đáp câu hỏi của Trưởng giả này.”

Các Thượng tọa bảo:

“Khéo đáp được thì đáp.”

Trưởng giả liền hỏi Tôn giả Lê-tê-đạt-đa:

“Những sở kiến của thế gian do gốc gì, tập gì, sanh gì, chuyển gì?”

Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đáp:

“Này Trưởng giả, những gì là sở kiến của thế gian, hoặc nói có ngã, hoặc nói chúng sanh, hoặc nói thọ mạng, hoặc nói việc tốt xấu của thế gian; các sở kiến ấy đều lấy thân kiến làm gốc, thân kiến tập, thân kiến sanh, thân kiến chuyển.”

Trưởng giả lại hỏi:

“Thế nào là thân kiến⁷⁷?”

Tôn giả đáp:

“Này Trưởng giả, phàm phu ngu si không học thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thức khác ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Này Trưởng giả, đó gọi là thân kiến.”

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:

“Làm thế nào để không có thân kiến này?”

Tôn giả đáp:

“Này Trưởng giả, đa văn Thánh đệ tử chẳng thấy sắc là ngã, chẳng thấy sắc khác ngã, chẳng thấy sắc trong ngã, ngã trong sắc⁷⁸; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng thấy thức khác ngã, chẳng thấy thức trong ngã, ngã trong thức; đó gọi là không có thân kiến.”

“Cha của Tôn giả tên gì? Sanh ở đâu?”

⁷⁷. Thân kiến 身見, đây chỉ hữu thân kiến. Pāli: sakkāgaddiṭṭhi.

⁷⁸. Pāli: rūpam attato samanupassati, rūpavantam vā attānam attanivā rūpam rūpasmim vā attānam, quán sát sắc là tự ngã, tự ngã có sắc, chính tự ngã là sắc, tự ngã ở trong sắc.

“Tôi sanh ở phía sau nhà trưởng giả.”

Trưởng giả Chất-đa-la bảo Tôn giả Lê-tê-đạt-đa:

“Hai cụ thân sanh của con và Tôn giả vốn là chỗ quen biết.”

Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đáp:

“Vâng, đúng như thế.”

Trưởng giả Chất-đa-la bảo Lê-tê-đạt-đa:

“Nếu Tôn giả ở trong vườn Am-la này, suốt đời con xin cúng dường y phục, thức ăn và thuốc men.”

Tôn giả Lê-tê-đạt-đa im lặng nhận lời. Vì Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đã nhận sự cúng dường rồi nên thường bị chướng ngại, lâu ngày không đến chỗ Thế Tôn.

Bấy giờ, các Thượng tọa vì trưởng giả Chất-đa-la nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ.

Sau khi được sự khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, trưởng giả Chất-đa-la tùy hỷ hoan hỷ làm lễ rồi lui.

**
*

KINH 571. MA-HA-CA⁷⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng chúng Tăng gồm các vị Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ trưởng giả Chất-đa-la đến chỗ các Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, thưa với các Thượng tọa:

“Xin thỉnh các Tôn giả nhận lời mời của con đến trại bò⁸⁰ thọ thực.”

Các Thượng tọa im lặng nhận lời mời. Trưởng giả Chất-đa-la biết các Thượng tọa im lặng nhận lời rồi, liền vội vàng trở về nhà. Suốt đêm trưởng giả chuẩn bị đầy đủ các thứ đồ ăn thức uống, sáng sớm sắp xếp chỗ ngồi, rồi sai người đến thưa với các Thượng tọa biết đã đến giờ. Các Thượng tọa đắp y mang bát đến nhà trưởng giả Chất-đa-la trong thôn trại bò. Khi đã ngồi xong, trưởng giả Chất-đa-la tự tay dâng các thứ đồ ăn thức uống cúng dường. Sau khi các Thượng tọa thọ trai,

⁷⁹. S.41.4 Mahaka.

⁸⁰. Hán: ngư mục 牛 牧. Pāli: gokuia, ngư xá, nhà cho bò ở, hay trại bò.

súc miệng, rửa bát xong, trưởng giả Chát-đa-la trải một chỗ ngồi thấp trước các Thượng tọa để nghe pháp.

Bấy giờ, các Thượng tọa vì trưởng giả mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, các Thượng tọa rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Trưởng giả Chát-đa-la cũng đi theo sau. Các Thượng tọa vì ăn mật, tô, lạc, quá no, lúc ấy vào tháng cuối xuân, trời nóng bức, nên đi đường rất mệt nhọc.

Bấy giờ có Tỳ-kheo hạ tọa tên là Ma-ha-ca⁸¹ thưa với các vị Thượng tọa:

“Hôm nay trời quá oi bức, con muốn nổi mây mưa và gió mát có được không?”

Các Thượng tọa đáp:

“Người có thể làm như vậy thì tốt lắm.”

Ma-ha-ca liền nhập tam-muội, bằng chánh thọ như vậy⁸², liền khi đó mây nổi, mưa nhẹ và gió mát từ bốn phương thổi tới. Đến cửa tinh xá, Tôn giả Ma-ha-ca hỏi các Thượng tọa:

“Việc làm này có thể dừng lại được chưa?”

Các Thượng tọa đáp:

“Hãy dừng đi.”

Lúc ấy, Ma-ha-ca liền ngưng thần thông, rồi trở về phòng riêng. Trong khi đó trưởng giả Chát-đa-la nghĩ thầm: Vị Tỳ-kheo tối hạ tọa mà có thể có sức thần thông lớn như thế, huống chi là các bậc trung tọa, thượng tọa. Nghĩ như thế liền đánh lễ chân các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đi theo Tỳ-kheo Ma-ha-ca đến phòng của Tỳ-kheo này, làm lễ Tôn giả Ma-ha-ca, rồi ngồi lui qua một bên thưa:

“Thưa Tôn giả, con muốn được thấy sự hóa hiện thần túc siêu quá người thường của Tôn giả⁸³.”

Tôn giả Ma-ha-ca nói:

⁸¹. Ma-ha-ca 摩訶迦. Pāli: Mahaka.

⁸². Như kỳ chánh thọ 如其正受. Pāli: tathārūpaṃ iddhābhisaṅkhāraṃ abhisaṅkhati, thực hiện thắng hành thần thông như vậy.

⁸³. Quá nhân pháp thần túc hiện hóa 過人法神足現化. Pāli: uttarimanussa-dhamma iddhipāṭihāriya.

“Trưởng giả chớ nên thấy, sẽ sợ hãi!”

Ba lần thỉnh, ba lần Tôn giả đều từ chối. Trưởng giả lại thỉnh nữa:

“Xin Tôn giả cho xem thần thông biến hóa.”

Tôn giả Ma-ha-ca bảo trưởng giả:

“Thôi ông hãy ra ngoài, lấy cỏ khô và củi gom lại một đống, rồi đem tấm đệm trùm lên trên.”

Trưởng giả Chất-đa-la y theo lời dạy của Tôn giả, ra ngoài gom củi thành đống, rồi đến thưa Tôn giả:

“Đống củi đã có và con đã phủ lên bằng một tấm đệm.”

Tôn giả Ma-ha-ca liền nhập tam-muội hỏa quang, từ lỗ trống then cửa phát ra ngọn lửa. Lửa đốt trụi đống củi, chỉ có tấm đệm trắng không cháy. Tôn giả bảo trưởng giả:

“Nay ông thấy không?”

“Đã thấy, thưa Tôn giả, thật là kỳ diệu!”

Tôn giả Ma-ha-ca bảo trưởng giả:

“Ông nên biết, đây đều do không buông lung làm gốc, không buông lung mà tập khởi, không buông lung mà sanh, không buông lung mà chuyển. Do không buông lung nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Trưởng giả, thế nên việc này cùng với công đức khác, tất cả đều do không buông lung làm gốc, không buông lung mà tập khởi, không buông lung mà sanh, không buông lung mà chuyển. Do không buông lung nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và những pháp đạo phẩm khác.”

Trưởng giả Chất-đa-la thưa với Tôn giả Ma-ha-ca:

“Xin Tôn giả ở luôn trong rừng này, con sẽ trọn đời cúng dường y phục, thức ăn và thuốc men tùy bệnh.”

Tôn giả Ma-ha-ca vì có việc phải đi nên không nhận lời mời của trưởng giả.

Trưởng giả Chất-đa-la nghe pháp xong, tùy hỷ, hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng lên làm lễ rồi đi.

Tôn giả Ma-ha-ca không muốn làm cho người cúng dường lợi dưỡng trở thành tội chướng, nên Tôn giả vội vã từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi không trở lại.

**
*

KINH 572. HỆ⁸⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la, cùng số đông các vị Tỳ-kheo Thượng tọa.

Bấy giờ các Tỳ-kheo Thượng tọa tụ tập ở nhà ăn, cùng bàn luận như sau:

“Các vị nghĩ thế nào, mắt trói buộc sắc chẳng? Sắc trói buộc mắt chẳng? Cũng thế, tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, là ý trói buộc chẳng? Hay pháp trói buộc ý?”

Trong khi đó, trưởng giả Chất-đa-la đang đi lo công việc, ngang qua tình xá, trông thấy các Tỳ-kheo Thượng tọa tụ tập tại nhà ăn, liền đến trước đánh lễ các Thượng tọa và thưa hỏi:

“Chư Tôn giả tụ tập tại nhà ăn đang bàn luận điều gì vậy?”

Các Thượng tọa đáp:

“Này Trưởng giả, chúng tôi hôm nay tụ tập tại nhà ăn này, bàn luận rằng: Có phải mắt trói buộc sắc, hay sắc trói buộc mắt? Cũng như vậy, tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp, là ý trói buộc chẳng? Hay pháp trói buộc ý?”

Trưởng giả hỏi:

“Thưa các Tôn giả, các Tôn giả sẽ nói thế nào về nghĩa này?”

Các Thượng tọa nói:

“Còn đối với trưởng giả, ông nghĩ sao?”

Trưởng giả thưa các Thượng tọa:

“Theo ý con, mắt chẳng trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt; cho đến chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý. Nhưng ở khoảng giữa có dục tham⁸⁵, theo đó mà trói buộc. Ví như hai con bò, một đen, một trắng, mang cái ách. Có người hỏi: bò đen trói buộc bò trắng hay bò trắng trói buộc bò đen? Hỏi như thế có đúng không?”

Các Thượng tọa đáp:

“Này Trưởng giả, hỏi như thế không đúng. Vì sao? Vì chẳng phải

⁸⁴. Hệ phục, hay kết. Pāli, S.41.1 Saññojana.

⁸⁵. Dục tham 欲貪. Pāli: chandarāga.

bò đen trói buộc bò trắng và cũng không phải bò trắng trói buộc bò đen. Cái ách kia là vật trói buộc cả hai.”

“Cũng vậy, thưa các Tôn giả, chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt cho đến không phải ý trói buộc pháp, không phải pháp trói buộc ý, nhưng ở giữa đó, tham dục là sự trói buộc.”

Trưởng giả Chát-đa-la nghe các Tỳ-kheo Thượng tọa nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

**
*

KINH 573. A-KỲ-TỠ-CA⁸⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la.

Bấy giờ có ngoại đạo A-kỳ-tỳ-ca⁸⁷, là chỗ thân hậu của tiên nhân của trưởng giả Chát-đa-la, đi đến chỗ Chát-đa-la, cùng nhau chào hỏi ân cần, rồi đứng một bên. Trưởng giả Chát-đa-la hỏi ngoại đạo A-kỳ-tỳ-ca:

“Nhân giả xuất gia được bao lâu rồi?”

“Trưởng giả, tôi xuất gia đến nay đã hơn hai mươi năm⁸⁸.”

Trưởng giả Chát-đa-la hỏi:

“Nhân giả xuất gia đã hơn hai mươi năm, có được pháp siêu quá người thường⁸⁹, tốt cùng tri kiến và an lạc trụ không?”

A-kỳ-tỳ-ca đáp:

“Này Trưởng giả, tuy tôi đã xuất gia hơn hai mươi năm mà chẳng được pháp siêu quá người thường, tốt cùng tri kiến và an lạc trụ. Chỉ có lỏa hình, nhổ tóc, khát thực, du hành trong nhân gian, nằm trên tro đất.”

Trưởng giả Chát-đa-la bảo:

“Đây không phải là pháp luật đúng danh xưng. Đây là ác tri kiến;

⁸⁶. S.41.9 Acela.

⁸⁷. A-kỳ-tỳ-ca 阿耆毘迦, bản Cao-ly không có chữ ca 迦. Pāli: ājivika. Bản Pāli, S.41.9: Acela Kassapa, lỏa thể ngoại đạo, bạn cũ của Citta trước khi tu lỏa thể.

⁸⁸. Bản Pāli, 30 năm.

⁸⁹. Quá nhân pháp 過人法. Pāli: uttarimanussa-dhamma, nhân thượng pháp, hay thượng nhân pháp, pháp của bậc thượng nhân.

chẳng phải là con đường xuất yếu, chẳng gọi là Đẳng giác, chỗ chẳng đáng khen ngợi, chẳng có thể nương tựa. Luống gọi là người xuất gia hơn hai mươi năm, lỏa hình, nhổ tóc, du hành khất thực trong nhân gian, nằm trên tro đất.”

A-kỳ-tỳ-ca hỏi trưởng giả Chát-đa-la:

“Ông làm đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đã được bao lâu?”

Trưởng giả Chát-đa-la đáp:

“Tôi làm đệ tử của Thế Tôn hơn hai mươi năm.”

Lại hỏi trưởng giả Chát-đa-la:

“Ông là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đã hơn hai mươi năm, có được pháp siêu quá người thường, tột cùng tri kiến và an lạc trụ không?”

Trưởng giả Chát-đa-la đáp:

“Ông nên biết, trưởng giả Chát-đa-la sẽ không còn thọ sanh vào bào thai nữa, không còn tăng thêm mô mả, không còn sanh khởi từ khí huyết. Như Thế Tôn nói: ‘Năm hạ phần kết sử, Ta không còn thấy một kết nào mà không đoạn. Nếu có một kết nào chưa đoạn, sẽ còn trở lại sau đời này’.”

Trong lúc trưởng giả nói như vậy, A-kỳ-tỳ-ca càng thêm buồn bã, than thở rơi lệ, lấy áo lau mặt và nói với trưởng giả Chát-đa-la:

“Tôi phải tính sao bây giờ?”

Trưởng giả Chát-đa-la đáp:

“Nếu ông có thể ở trong Chánh pháp luật xuất gia, tôi sẽ cung cấp y bát và những vật cần thiết.”

A-kỳ-tỳ-ca suy nghĩ giây lát, rồi nói với trưởng giả Chát-đa-la:

“Tôi nay tùy theo anh, xin chỉ dạy tôi việc cần làm.”

Trưởng giả Chát-đa-la liền đưa A-kỳ-tỳ-ca đến chỗ các Thượng tọa, rồi ngồi lui qua một bên, thưa các Tỷ-kheo Thượng tọa:

“A-kỳ-tỳ-ca này là chỗ thân hậu của tiên nhân của con, ngày nay xin được xuất gia làm Tỷ-kheo. Mong các Thượng tọa độ cho xuất gia. Con sẽ cung cấp y bát và các vật dụng cần thiết.”

Các Thượng tọa liền cho xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa. Xuất gia xong, A-kỳ-tỳ-ca suy nghĩ những lý do mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, xuất gia tăng tiến học đạo, tịnh tu phạm hạnh, đắc quả A-la-hán.

**
*

KINH 574. NI-KIÊN⁹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng các vị Tỳ-kheo Thượng tọa. Bấy giờ có Ni-kiên Nhã-đề Tử⁹¹ cùng với năm trăm quyến thuộc đi đến rừng Am-la, muốn dụ trưởng giả Chát-đa-la làm đệ tử. Trưởng giả Chát-đa-la nghe tin Ni-kiên Nhã-đề Tử cùng với năm trăm quyến thuộc đến rừng Am-la muốn dụ mình làm đệ tử. Sau khi nghe như vậy rồi, ông liền đi đến chỗ Ni-kiên Nhã-đề Tử. Hai bên cùng nhau chào hỏi, rồi mỗi người ngồi lui qua một bên. Bấy giờ Ni-kiên Nhã-đề Tử nói với trưởng giả Chát-đa-la:

“Ông có tin Sa-môn Cù-đàm được tam-muội không giác không quán⁹² chăng⁹³?”

Trưởng giả Chát-đa-la đáp:

“Tôi không vì tin mà đến đây⁹⁴.”

A-kỳ-tỳ-ca⁹⁵ nói:

“Này Trưởng giả, ông không quanh co, không dối trá, chất thực, bản chất chất trực. Này Trưởng giả, nếu người có thể dứt được hữu giác hữu quán, cũng có thể dùng dây buộc gió; hoặc người dứt hữu giác hữu quán, cũng có thể lấy một nắm đất ngăn được dòng nước sông Hằng. Ta trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, tri kiến thường sanh.”

Trưởng giả Chát-đa-la hỏi Ni-kiên Nhã-đề Tử:

“Tín được đặt trước hay trí được đặt trước? Tín và trí cái nào trước, cái nào hơn?”

⁹⁰. Pāli, S.41.8 Nigaṇṭha.

⁹¹. Ni-kiên Nhã-đề Tử 尼 健 若 提 子. Pāli: Nigaṇṭha Nātaputta.

⁹². Vô giác vô quán tam muội 無 覺 無 觀 三 昧, định không tầm và tứ, từ Nhị thiên trở lên. Pāli: saddahasi tvam gahapati samanassa gotamassa atthi avitakko avicāro samādhi, atthi vitakkavicārānaṃ nirodho'ti, gia chủ có tin lời Sa-môn Cù-đàm rằng có định không tầm không tứ và có sự diệt tận của tầm và tứ?

⁹³. Bản Pāli: “Ông có tin lời Phật về định không tầm không tứ?”

⁹⁴. Pāli: na khvāhaṃ ettha, bhante, bhegavato saddhāya gacchāmi, atthi avitakko avicāro, atthi vitakkavicārānaṃ nirodho'ti, tôi không đến đây để tin Thế Tôn nói rằng có định không tầm không tứ và có sự diệt tận của tầm và tứ.

⁹⁵. Bản Minh chép là Ni-kiên Nhã-đề Tử.

Ni-kiền Nhã-đề Tử đáp:

“Tín nên đặt trước, sau đó có trí. Tín và trí so sánh nhau thì trí là hơn.”

Trưởng giả Chát-đa-la nói với Ni-kiền Nhã-đề Tử:

“Tôi đã cầu được dứt hữu giác hữu quán, nội tịnh, nhất, không giác không quán, có hỷ lạc do tam-muội sanh, chứng và an trụ đệ Nhị thiền. Ban ngày tôi cũng ở trong tam-muội này. Ban đêm tôi cũng ở trong tam-muội này. Có trí như vậy thì cần gì tin Thế Tôn!”

Ni-kiền Nhã-đề Tử nói:

“Người quanh co, dối trá, không chất trực, bản chất không chất trực.”

Trưởng giả Chát-đa-la nói:

“Lúc nãy ông đã nói là tôi không quanh co, không dối trá, chất thực, bản chất chất trực, vì sao bây giờ lại nói là tôi quanh co, dối trá, không chất thực, bản chất không chất trực? Nếu như lời trước của ông là thật, thì lời sau là dối trá; hoặc lời sau thật thì lời trước dối trá! Trước ông đã nói: ‘Ta trong đi, đứng, nằm, ngồi tri kiến thường sanh, đối với trước sau, việc nhỏ như vậy mà còn không rõ thì làm sao biết được pháp siêu quá người thường, hoặc tri kiến, hoặc việc trụ an lạc?’”

Trưởng giả lại hỏi Ni-kiền Nhã-đề Tử:

“Có người hỏi một liền đáp một, cho đến hỏi mười đáp mười, ông có như vậy không? Nếu không hỏi một đáp một, hỏi mười đáp mười, mà đến rừng Am-la này hòng mong dụ dỗ tôi sao?”

Ngay lúc ấy Ni-kiền Nhã-đề Tử ghen thở, lắc đầu, chấp tay chào và đi thẳng không nhìn lại.

**
*

KINH 575. BỆNH TUỞNG⁹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng số đông các vị Tỳ-kheo Thượng tọa.

Bấy giờ trưởng giả Chát-đa-la bị bệnh khổ, các thân thuộc vây quanh. Có nhiều vị trời đến chỗ trưởng giả Chát-đa-la, bảo rằng:

⁹⁶. Pāli, S.41.10 Gilānadasana (thăm bệnh).

“Này Trưởng giả, ông nên phát nguyện làm Chuyển luân vương.”

Trưởng giả Chất-đa-la nói với chư Thiên:

“Nếu làm Chuyển luân vương; kia cũng vô thường, khổ, không, vô ngã.”

Rồi, các thân thuộc của trưởng giả bảo trưởng giả:

“Ông nên buộc niệm lại! Ông nên buộc niệm lại!”

Trưởng giả Chất-đa-la nói với thân thuộc:

“Vì sao các ông dạy tôi phải buộc niệm lại?”

Những người thân nói rằng:

“Ông đã nói: Vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì vậy nên chúng tôi bảo ông nên buộc niệm lại, buộc niệm lại!”

Trưởng giả nói với các quyến thuộc:

“Có chư Thiên đến chỗ tôi, nói với tôi: Ông nên phát nguyện được làm Chuyển luân Thánh vương, sẽ tùy nguyện đắc quả. Tôi liền đáp: Chuyển luân Thánh vương lại cũng vô thường, khổ, không, vô ngã.”

Các quyến thuộc hỏi trưởng giả Chất-đa-la:

“Chuyển luân vương có gì mà chư Thiên bảo ông mong cầu?”

Trưởng giả đáp:

“Chuyển luân vương đem chánh pháp cai trị, giáo hóa. Vì chư Thiên thấy phước lợi như vậy nên dạy tôi phát nguyện mong cầu.”

Các quyến thuộc hỏi:

“Nay ông dụng tâm như thế nào?”

Trưởng giả đáp:

“Này các thân quyến, ngày nay tâm tôi nguyện rằng chỉ không còn thọ sanh vào bào thai nữa, không thêm mồ mả, không thọ nhận huyết khí. Như Thế Tôn nói: Năm hạ phần kết sử, Ta không thấy có, không tự thấy một kết nào mà không đoạn. Nếu kết không đoạn thì còn sanh lại đời này.”

Ngay lúc ấy Trưởng giả ngay từ giường nằm, ngồi kiết già, chánh niệm và nói kệ:

*Chứa thức ăn đã chứa,
Rộng độ các hoạn nạn;
Bố thí tăng ruộng phước,
Vun trồng năm chủng lực.
Vì mong muốn nghĩa ấy,*

Người tục sống tại nhà.
 Ta điều được lợi này,
 Đã khỏi các thứ nạn.
 Điều thế gian nghe quen,
 Xa lìa các việc khó;
 Sanh vui, biết chút khó,
 Tùy thuận Đẳng Chánh Giác.
 Cúng dường người trì giới,
 Khéo tu các phạm hạnh;
 Lậu tận A-la-hán,
 Và ẩn sĩ Thanh văn.
 Kiến siêu việt như vậy,
 Trên các cõi thù thắng;
 Thường làm người bố thí,
 Cuối cùng được quả lớn.
 Tập hành bố thí chúng,
 Cho các ruộng phước tốt;
 Nơi đời này mạng chung,
 Hóa sanh về cõi trời.
 Năm dục được đầy đủ,
 Tâm vô lượng mừng vui;
 Được báo vi diệu này,
 Vì không tâm keo bần;
 Thọ sanh ở nơi nào,
 Đều luôn được vui vẻ.

Trưởng giả Chát-đa-la nói kệ này xong, liền mạng chung, sanh vào cõi Vô phiến nhiệt thiên.

Bấy giờ Thiên tử Chát-đa-la nghĩ rằng: Ta không nên đình trú ở đây, mà nên đến Diêm-phù-đề lễ bái các Tỳ-kheo Thượng tọa. Trong khoảnh khắc nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, dùng sức Thiên thần hiện đến rừng Am-la, phóng ánh sáng từ thân trời, chiếu sáng khắp rừng Am-la. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ, ra khỏi phòng ban đêm đi kinh hành nơi đất trống, trông thấy ánh sáng kỳ diệu, chiếu khắp rừng cây, liền nói kệ:

*Sắc trời nào vi diệu,
Trụ ở giữa hư không;
Giống như núi vàng rực,
Ánh sáng Diêm-phù-dàn?*

Thiên tử Chất-đa-la nói kệ đáp:

*Tôi là vua trời, người,
Là đệ tử Cù-đàm;
Trong rừng Àm-la này,
Trưởng giả Chất-đa-la.
Nhờ tịnh giới đầy đủ,
Hệ niệm tự tịch tịnh;
Thân giải thoát đầy đủ,
Thân trí tuệ cũng thế.
Tôi biết pháp nên đến,
Nhân giả cần nên biết;
Nên nơi Niết-bàn kia,
Pháp này pháp như vậy.*

Thiên tử Chất-đa-la nói kệ xong, liền biến mất.



TẬP A-HÀM QUYỂN 22

KINH 576. NAN-ĐÀ LÂM¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Chẳng ở rừng Nan-đà²,
Trọn chẳng được khoái lạc;
Trong cung trời Đao-lợi,
Được danh xưng Thiên đế.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trẻ con³, người nào biết,
Điều A-la-hán nói:
Tất cả hành vô thường,
Đấy là pháp sanh-diệt.
Đã sanh rồi lại diệt,
Tịch diệt cả là vui.*

Bấy giờ, Thiên tử này lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.*

¹. Ấn Thuận, tụng 5. Bát chúng, “25. Tương ưng Chư thiên” gồm các kinh: Đại Chánh 576-597 (quyển 12), 995-1022 (quyển 35). Phần lớn tương đương Pāli, S.1. Devatāsamyutta. Đại Chánh kinh 576, Pāli, S.1.11. Nandana. Tham chiếu, Hán: N^o100 (161) [Biệt dịch Tập A-hàm quyển 9]; N^o125 (31.9) [Tăng nhất quyển 9].

². Nan-đà lâm 難陀林, vườn Hoan hỷ trên trời Tam thập tam. Pāli: Nandana.

³. Hán: đông môn 童蒙. Pāli: tvam bāle.

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi liền biến mất.

**
*

KINH 577. CÂU TỎA⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Rồi, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Bút tất cả xiềng xích,
Mâu-ni không có nhà;
Sa-môn ham giáo hóa:
Tôi chẳng nói 'Lành thay!'*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tất cả loài chúng sanh,
Thấy cùng ràng buộc nhau;
Kia có người trí tuệ,
Ai chẳng khỏi thương xót?
Thiện Thệ vì thương xót,
Thường dạy dỗ chúng sanh.
Người thương xót chúng sanh,
Đó là đúng như pháp.*

Thiên tử kia lại nói bài kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.*

Thiên tử kia sau khi nghe Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ rồi liền biến mất.

**
*

⁴. Xiềng xích. Pāli, S.10.2 Sakka. Tham chiếu, N^o100(162).

KINH 578. TÀM QUÝ⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Rồi, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Thường tập lòng hổ thẹn,
Thường có hạng người này;
Hay xa lìa điều ác,
Như ngựa khôn thấy roi.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài kệ:

*Thường tập lòng hổ thẹn,
Người này thật ít có;
Hay xa lìa điều ác,
Như ngựa lành thấy roi.*

Vị Thiên tử kia lại nói bài kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.*

Thiên tử này sau khi nghe Phật nói kệ xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ Phật rồi biến mất.

**
*

KINH 579. BÁT TẬP CẬN⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

⁵. S.1.18. Hirī.

⁶. S.1.7 Appaṭividitā. Tham chiếu, N^o100(164).

Bấy giờ, có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Rồi, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Chẳng gần gũi Chánh pháp,
Ưa đắm các tà kiến;⁷
Ngủ mê chẳng tự biết,
Nhiều kiếp tâm sao ngộ?*

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ trả lời:

*Chuyên tu nơi Chánh pháp,
Xa lìa nghiệp bất thiện;
Là La-hán lậu tận,
San phẳng đời gập ghềnh⁸.*

Thiên tử kia nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.*

Thiên tử này sau khi Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân rồi biến mất.

**
*

KINH 580. THIỆN ĐIỀU⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Rồi,

⁷ Pāli: yesam dhammā appaṭivīditā, paravādesu nīyare, "Những ai không hiểu rõ pháp, lạc lối vào các dị thuyết".

⁸ Pāli: caranti visame saman'ti, "Bước đi bằng phẳng trên lối đi gập ghềnh".

⁹ S.1.8 Susammaṭṭhā. Tham chiếu, N^o100(165).

vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Nhờ pháp, khéo điều phục,
Không đọa các tà kiến;¹⁰
Tuy còn đắm ngủ say,
Có thể tùy thời ngộ.*

Thế Tôn nói kệ đáp lại:

*Nếu nhờ pháp điều phục,
Chẳng theo các tà kiến;
Rốt ráo dứt vô tri,
Hay vượt đời ân ái.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.*

Thiên tử này sau khi nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi biến mất.

**
*

KINH 581. LA-HÁN (1)¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Tất cả lậu dứt sạch,*

¹⁰. Pāli: yesam dhammā susammutthā, paravādesu nīyare, “những ai mê mờ pháp, lạc lối vào dị thuyết”.

¹¹. S.1.25 Araham. Tham chiếu, N^o100(166).

*Mang thân tối hậu này,
Xác định nói: 'có ngã,'
Và nói: 'ngã sở' không?¹²*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Các hữu lậu đã sạch,
Mang thân tối hậu này.
Giả sử còn nói ngã,
Ngã sở, cũng không lỗi.*

Thiên tử lại nói kệ đáp:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Tất cả lậu hết sạch,
Mang thân tối hậu này.
Tâm nương nơi ngã mạn,
Mà nói là có ngã;
Và nói về ngã sở,
Có nói như thế không?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đã lìa nơi ngã mạn,
Không còn tâm ngã mạn;
Siêu việt ngã, ngã sở,
Ta nói là lậu tận.
Đối ngã, ngã sở kia,
Tâm trọn chẳng chấp trước;
Hiểu danh tự thế gian,
Bình đẳng giả danh nói.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

¹². Pāli: ahaṃ vadāmi' ti' pi so vadeyyā' ti. mamaṃ vadanti' ti' pi so vadeyyā'ti, "Vị ấy cũng có thể nói: 'Tôi nói.' Vị ấy cũng có thể nói: 'Họ nói (với tôi) là của tôi'. Vị A-la-hán, tuy chứng vô ngã, nhưng vẫn nói 'tôi' và 'của tôi' theo ngôn ngữ thế gian.

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chứng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt đời ân ái.*

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

KINH 582. LA-HÁN (2)¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Lậu tận, tối hậu thân;
Có thể nói: 'có ngã',
Và nói: 'ngã sở' chăng?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Lậu tận, tối hậu thân;
Cũng nói là có ngã,
Và nói có ngã sở.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Đã sạch các hữu lậu,
Chỉ còn thân sau cùng.
Sao còn nói có ngã,
Và nói có ngã sở?*

¹³. Xem kinh 581 trên.

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Tất cả lậu hết sạch,
Chỉ còn thân sau cùng.
Ta nói sạch các lậu,
Cũng chẳng chấp ngã sở;
Hiểu danh tự thế gian,
Bình đẳng giả danh nói.*

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

KINH 583. NGUYỆT THIÊN TỬ¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ có La-hầu-la A-tu-la vương¹⁵ che Nguyệt Thiên tử¹⁶. Lúc ấy các Nguyệt Thiên tử đều sợ hãi, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui sang một bên và nói kệ khen ngợi Phật:

*Nay lễ Tối Thắng Giác,
Hay thoát tất cả chướng;
Con nay gặp khổ não,
Thế nên đến quy y.
Chúng con Nguyệt Thiên tử,
Quy y Đấng Thiệu Thệ;
Phật thương xót thế gian,
Xin cứu thoát Tu-la.*

Thế Tôn liền nói kệ đáp:

¹⁴. S.2.9 Candima.

¹⁵. La-hầu-la A-tu-la vương 羅睺羅阿修羅王. Pāli: Rāhu-asurinda.

¹⁶. Hiện tượng nguyệt thực.

*Phá tan mọi tăm tối,
 Ánh sáng chiếu hư không;
 Nay Tỳ-lô-giá-na¹⁷,
 Bày ánh sáng thanh tịnh.
 La-hầu tránh hư không,
 Phóng bay nhanh như thỏ.
 A-tu-la La-hầu,
 Vội bỏ trăng trở về;
 Toàn thân tuôn mồ hôi,
 Kinh hoảng chẳng an ổn;
 Thân hôn, chí mê loạn,
 Giống như người bệnh nặng.*

Bấy giờ, có A-tu-la tên là Bà-trĩ¹⁸ thấy A-tu-la La-hầu-la vội vàng bỏ mặt trăng trở về liền nói kệ:

*La-hầu A-tu-la,
 Bỏ trăng sao nhanh thế?
 Toàn thân tuôn mồ hôi,
 Như người bị bệnh nặng.*

A-tu-la La-hầu-la trả lời bằng bài kệ:

*Cù-dàm thuyết chú kệ;
 Nếu không nhanh bỏ trăng.
 Đầu vỡ làm bảy mảnh,
 Chịu khổ như sắp chết.*

A-tu-la Bà-trĩ lại nói bài kệ:

*Phật xuất hiện, hiếm có;
 An ổn cho thế gian.
 Ngài thuyết kệ khiến cho
 La-hầu bỏ mặt trăng.*

Phật nói kinh này rồi, bấy giờ Nguyệt Thiên tử sau khi những điều Phật thuyết, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

**
*

¹⁷. Tỳ-lô-giá-na 毘盧遮那. Pāli: virocana; bản Pāli không nêu.

¹⁸. Bà-trĩ 婆稚. Pāli: Vepacitti.

KINH 584. TỘC BẢN¹⁹

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Ngài có bản tộc chăng?
 Có tộc nối dõi chăng?
 Thân thuộc thấy đều không?
 Làm sao cởi trói buộc?²⁰*

Thế Tôn trả lời bằng bài kệ:

*Ta không có tộc bản
 Cũng không tộc nối dõi;
 Thân thuộc cắt vĩnh viễn,
 Giải thoát mọi ràng buộc.*

Thiên tử lại nói kệ:

*Thế nào là tộc bản?
 Thế nào là dòng tộc?
 Thế nào có thân thuộc?
 Thế nào dây trói chắc?*

Bấy giờ, Thế Tôn trả lời bằng bài kệ:

*Mẹ, tộc bản của đời;
 Vợ là tộc nối dõi²¹;
 Có con có thân thuộc;
 Ai là dây trói chặt.*

¹⁹. S.1.19 Kutikā.

²⁰. Hán: tộc bản 族本, chuyển sanh tộc 轉生族. Pāli: kacci te kutikā natthi, kacci natthi kulāvaka kacci santānakā natthi, kacci muttosi bandhanā'ti, "Ngài không có chòi tranh, Ngài không có tổ ấm, Ngài không có con cháu, Ngài thoát mọi ràng buộc". Bản Hán đọc kula (gia tộc) thay vì kutikā, chòi tranh.

²¹. Pāli: mātaraṃ kutikaṃ brūsi, bhariyaṃ brūsi kulāvakaṃ. "Ta nói, mẹ là chòi tranh, vợ là tổ ấm".

Rồi, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lành thay không dòng họ,
Không sanh tộc cũng tốt;
Lành thay không tương thuộc!
Lành thay giải thoát buộc!
Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

KINH 585. ĐỘC NHẤT TRỤ²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại tháp Ưu-la-đề-na của họ Thích²³.

Bấy giờ Thế Tôn mới cạo râu tóc. Vào cuối đêm, Ngài ngồi kiết già, thân ngay, ý chánh, cột niệm ở trước mặt, lấy y trùm lên đầu. Bấy giờ bên tháp Ưu-la-đề-na có Thiên thần cư ngụ, phóng ánh sáng từ thân, chiếu khắp tinh xá, bạch Phật rằng:

“Sa-môn lo buồn phải không?”

Phật bảo Thiên thần:

“Ta mất gì đâu?”

Thiên thần lại hỏi:

“Sa-môn hoan hỷ phải không?”

Phật bảo Thiên thần:

“Ta được gì đâu?”

Thiên thần lại hỏi:

“Sa-môn không lo buồn, không hoan hỷ phải không?”

Phật bảo Thiên thần:

²². Sống một mình. Pāli, S.2.18 Kakudha.

²³. Thích thị Ưu-la-đề-na tháp 釋氏優羅提那塔. Bản Pāli, S.2.2.8: Sākete viharati añjavane migadāya; Phật ở Sāketa, trong rừng Añjana, chỗ nuôi dê.

“Đúng vậy! Đúng vậy!”

Bấy giờ Thiên thần nói kệ:

*Vì lìa các phiền não
Vì chẳng có vui mừng;
Làm sao sống một mình,
Không bị buồn phá hoại?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Giải thoát không ưu não,
Cũng không có hoan hỷ;
Buồn không thể phá hoại,
Nên Ta sống một mình.*

Thiên thần này lại nói kệ:

*Làm sao không ưu não,
Làm sao không hoan hỷ;
Làm sao ngồi một mình,
Không bị buồn phá hoại?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Phiền não sanh hoan hỷ,
Hoan hỷ sanh phiền não;
Không nào cũng không hỷ,
Thiên thần nên gìn giữ.*

Thiên thần lại nói kệ:

*Lành thay! Không phiền não,
Lành thay! Không hoan hỷ;
Lành thay! Sống một mình,
Không bị buồn phá hoại?
Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên thần kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

KINH 586. LỢI KIẾM²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ:

*Như gươm bén làm hại,
Cũng như lửa cháy dầu;
Đoạn trừ lửa tham dục,
Chánh niệm cầu xa lìa.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Thí như gươm bén hại,
Cũng như lửa cháy dầu;
Đoạn trừ thân sau rốt²⁵,
Chánh niệm cầu xa lìa.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

KINH 587. THIÊN NỮ²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ

²⁴. S.1.21 Sattiyā. Hán, N^o100(170).

²⁵. Hậu thân 後身. Pāli: sakkāyadiṭṭhi, hữu thân kiến.

²⁶. S.1.46 Accharā. Hán, N^o100(171).

Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ rằng:

*Các Thiên nữ vây quanh;
Như chúng Tỳ-xá-chi²⁷;
Trong rừng rậm si hoặc,
Do đâu được ra khỏi?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đạo chánh trực bình đẳng,
Phương thoát ly sợ hãi;
Cỡi chiếc xe tịch mặc,
Che kín bởi pháp tướng²⁸.
Tầm quý vòng dây cổ²⁹,
Chánh niệm là dây buộc;
Trí tuệ người đánh xe,
Chánh kiến dẫn đường trước.
Cỗ xe màu nhiệm ấy,
Cùng đưa cả nam nữ;
Ra khỏi rừng sanh tử,
Chóng đến nơi an lạc.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

²⁷. Tỳ-xá-chi 毘舍脂. Pāli: pisāca, tỳ-xá-xà, quý uống máu.

²⁸. Pháp tướng 法想. Pāli: dhammacakkehi samyuto, kết hợp bởi pháp luân.

²⁹. Hán: trường mi 長縲. Pāli: hir̥ tassa apālambo, sự hổ thẹn là dây thừng xe.

KINH 588. TỨ LUÂN³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Có bốn chuyển, chín cửa,
Sống đầy đủ tham dục;
Đắm chìm sâu trong bùn,
Voi lớn làm sao ra?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Cắt dây dài ái hỷ,
Tham dục cùng các ác;
Nhổ gốc rễ ái dục,
Hương thẳng đến chỗ kia.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

KINH 589. ĐẠI PHÚ³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối

³⁰. Bốn bánh xe. S.1.29 Catucakka.

³¹. Pāli: S.1.28. Mahaddhana. Tham chiếu, N^o100(183).

đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Nước Lại-tra-bàn-đề,
Có các khách buôn bán³²;
Giàu có nhiều cửa cải,
Tranh nhau mong làm giàu.
Tìm cách cầu tài lợi,
Như đốt lửa cháy bùng;
Tâm tranh thắng như thế,
Dục tham luôn dong ruổi.
Thế nào nên dứt tham,
Hết cần cầu thế gian.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Bỏ tục sống không nhà,
Vợ con cùng tiền của;
Lìa dục, tham, sân, si,
La-hán sạch các lậu.
Chánh trí tâm giải thoát,
Ái tận dứt phương tiện.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

³². Pāli: Mahaddhanā mahābhogā, raṭṭhavantopi; khattiyā, những Sát-lợi nhiều tiền, nhiều của, có cả đất nước. Bản Hán hiểu raṭṭhavanta, sở hữu vương quốc, là tên nước (hình dung từ).

KINH 590. GIÁC THỤY MIÊN³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ tại nước Câu-tát-la có các nhà buôn với năm trăm cỗ xe cùng đi buôn bán. Họ đi đến chỗ hoang mạc. Hoang mạc này có bọn cướp năm trăm tên, đuổi theo sau, lén tìm cơ hội cướp đoạt. Bấy giờ, nơi hoang mạc ấy có một Thiên thần đang ở bên đường. Thiên thần ấy nghĩ thầm: ‘Ta nên đi đến nước Câu-tát-la kia, chỗ các nhà buôn để hỏi nghĩa lý. Nếu họ vui lòng cho ta được hỏi và giải thích, ta sẽ tìm cách khiến họ an ổn, được thoát khỏi nạn giặc cướp. Nếu họ không vui lòng với những câu hỏi của ta, ta sẽ bỏ mặc họ, như những Thiên thần khác.’ Sau khi suy nghĩ xong, Thiên thần ấy phóng ánh sáng chiếu khắp các cỗ xe của những nhà buôn và nói kệ:

*Ai đối thức lại ngủ,
Ai đối ngủ lại thức;
Người nào hiểu nghĩa này,
Ai hay vì tôi nói.*

Trong các nhà buôn đó có một Ưu-bà-tắc tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng, nhất tâm hướng về Phật, Pháp, Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng. Vị ấy đối với Phật, Pháp, Tăng lìa nghi, đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo lìa nghi, thấy bốn Thánh đế, đắc quả hiện quán thứ nhất³⁴. Trong các nhà buôn cùng kết bạn đi đường đó, Ưu-bà-tắc kia vào khoảng cuối đêm ngồi thẳng suy nghĩ, cột niệm ở trước; đối với mười hai nhân duyên, quán sát thuận nghịch; nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; nghĩa là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập xứ, duyên lục nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh,

³³. Tham chiếu, Hán N^o100(184).

³⁴. Đệ nhất vô gián đẳng quả, chỉ quả vị Tu-đà-hoàn.

duyên sanh có lão, duyên lão có bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Như thế thuận đại khổ tụ tập. Như vậy, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão diệt, lão diệt thì bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Như thế thuận đại khổ tụ diệt.”

Vị Ưu-bà-tắc ấy suy nghĩ xong liền nói kệ:

*Đối người thức ta ngủ,
Đối người ngủ ta thức;
Ta hiểu rõ nghĩa này,
Nói rõ được cho người.*

Lúc ấy, Thiên thần hỏi Ưu-bà-tắc:

“Thế nào là tỉnh thức ngủ mê, thế nào là ngủ mê tỉnh thức, thế nào là có thể biết, thế nào là có thể xác nhận?”

Ưu-bà-tắc nói kệ:

*Tham dục và sân nhuế,
Ngu si được lìa dục;
A-la-hán lậu tận,
Chánh trí tâm giải thoát.
Vị ấy là thức tỉnh,
Đối kia ta mê ngủ;
Chẳng biết nhân sanh khổ,
Và khổ nhân duyên tập.
Đối tất cả khổ này,
Dứt hết không còn sót;
Lại chẳng biết Chánh đạo,
Đưa đến nơi hết khổ.
Như thế là đang ngủ,
Đối kia ta lại thức;
Như thế đối với ngủ,
Như thế đối với thức.
Khéo biết nghĩa như thế,
Như thế hay xác nhận.*

Thiên thần lại nói kệ:

*Lành thay! Ngủ trong thức,
Lành thay! Thức trong ngủ;
Lành thay! Khéo hiểu nghĩa,
Lành thay! Khéo xác nhận.
Lâu xa nay mới thấy,
Các anh em nên đến;
Nhờ ân lực của người,
Khiến cả bọn thương nhân,
Được thoát khỏi giặc cướp;
Đi theo đường an ổn.*

Như thế, các Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la và cả đám thương nhân theo đường đi an ổn, thoát khỏi nơi hoang vắng, nguy hiểm.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 591.³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ, trên một hòn đảo, có một Ưu-bà-tắc đến nhà một Ưu-bà-tắc khác, cùng ngồi, cực lực chê bai dục như sau: ‘Dục này hư vọng, không thật, là pháp hư dối, như huyễn hóa, lừa gạt con nít.’

“Nói xong rồi trở về nhà mình, phóng túng theo ngũ dục. Tại nhà Ưu-bà-tắc này có Thiên thần đang trú ngụ. Vị Thiên thần này nghĩ thầm: ‘Ưu-bà-tắc này không hơn gì, chẳng khác gì các Ưu-bà-tắc khác; ngồi giữa đông người cực lực chê bai dục: ‘Dục này giả dối, không thật, là pháp giả dối, lừa gạt con nít.’ Rồi trở về nhà mình lại phóng túng theo năm dục. Bấy giờ hãy giúp ông ta giác ngộ. Liên nói kệ rằng:

*Giữa đám đông tụ họp,
Chê trách dục vô thường;*

³⁵. Tham chiếu, N^o100(185).

*Tự chìm trong ái dục,
 Như trâu lún bùn sâu.
 Ta xem trong hội kia,
 Các vị Ưu-bà-tắc;
 Đa văn hiểu rõ pháp,
 Gìn giữ giới thanh tịnh.
 Người thấy kia vui pháp,
 Mà nói dục vô thường;
 Sao tự buông theo dục,
 Chẳng đoạn dứt tham ái?
 Vì sao vui thế gian,
 Nuôi vợ con quyền thuộc?*

Vị Thiên thần ấy khai thị cho Ưu-bà-tắc kia như thế. Ưu-bà-tắc đó được giác ngộ, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, lòng tin chân chánh, không nhà xuất gia học đạo, tinh cần tu tập, dứt sạch hết các pháp hữu lậu, đắc quả A-la-hán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 592. TU-ĐẠT³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà³⁷, nước Xá-vệ. Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc có chút việc đến thành Vương xá, ngủ đêm lại ở một nhà trưởng giả nọ. Ban đêm, nghe thấy gia chủ bảo với vợ con, tôi tớ, người giúp việc rằng:

“Các người nên thức dậy, sửa soạn củi lửa, nấu cơm làm bánh, sửa soạn thức ăn ngon và trang hoàng nhà cửa.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe vậy nghĩ thầm: ‘Người gia chủ này hôm nay làm gì đây? Hoặc là gả con gái, hay là cưới vợ cho con, hay là mời khách vua, quan?’ Suy nghĩ xong, liền hỏi gia chủ:

³⁶. Pāli: S.10.8. Sudatta. Tham chiếu, N^o100(186).

³⁷. Bản Hán nhầm. Lúc này Cấp Cô Độc chưa biết Phật. Bản Pāli: rājagahe viharati sitavane: trú tại Vương xá, trong Thi-đà lâm (bāi tha ma).

“Ông làm gì? Có phải là gả con gái, hay cưới dâu, hoặc mời khách vua quan?”

Gia chủ này trả lời ông Cấp Cô Độc :

“Tôi không gả con, không cưới dâu, không mời khách vua quan gì cả, mà chỉ muốn thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng để cúng dường.”

Chưa bao giờ trưởng giả Cấp Cô Độc nghe danh tự Phật, mà nay được nghe lòng hết sức vui mừng, toàn thân rợn chân lông, vui mừng hỏi gia chủ kia:

“Thế nào gọi là Phật?”

Gia chủ đáp:

“Có Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng Thích-ca, trong dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là Phật.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi:

“Thế nào gọi là Tăng?”

Gia chủ kia đáp:

“Nếu người thuộc dòng Bà-la-môn, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia; hoặc người thuộc dòng Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, những thiện nam này cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia. Đó gọi là Tăng. Hôm nay tôi thỉnh Phật và hiện tiền Tăng thiết lễ cúng dường.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi gia chủ kia:

“Hôm nay tôi có thể đến gặp Thế Tôn được không?”

Gia chủ kia đáp:

“Ông cứ ở đây. Tôi thỉnh Thế Tôn đến nhà tôi, ở đây ông sẽ gặp Ngài.”

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc suốt đêm hôm ấy hết lòng nghĩ đến Phật được ngủ một giấc ngon. Trời vẫn chưa sáng, bỗng thấy tướng sáng, tướng dâu trời đã sáng, bèn đi ra khỏi nhà, đi về phía cửa thành. Đến dưới cửa thành, đêm mới canh hai, cửa thành chưa mở. Theo thường pháp của vua phải đợi lệnh mới cho đi lại. Hết canh một, cửa thành mới đóng. Đến cuối giữa đêm mới lại mở cửa cho người đi lại sớm. Khi trưởng giả Cấp Cô Độc thấy cửa thành mở, nghĩ thầm: ‘Đúng là qua đêm, trời sáng, cửa mở, theo tướng sáng ra khỏi thành.’

Đến khi ông ra khỏi cửa thành rồi tướng sáng liền tắt, bỗng trở

lại tối tăm. Trưởng giả Cấp Cô Độc cảm thấy trong lòng sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng. “Có lẽ bị người lạ hay ma quỷ, hoặc kẻ gian làm cho ta sợ hãi đây?” Ông vội vàng muốn trở về. Bấy giờ, bên cửa thành có Thiên thần đang cư ngụ, thân tỏa ánh sáng từ cửa thành kia đến nghĩa địa Hàn lâm, ánh sáng chiếu khắp, Thiên thần bảo trưởng giả Cấp Cô Độc:

“Ông hãy đi tới, có thể được lợi ích tốt đẹp, đừng trở lui.”

Thiên thần liền nói kệ:

*Ngựa hay cả trăm con,
Vàng ròng đầy trăm cân,
Xe la và xe ngựa,
Mỗi thứ đến trăm cỗ,
Đủ các thứ quý báu,
Đều chất đầy trên đó.
Do thiện căn đời trước,
Được phước báu như vậy,
Nếu người tâm kính trọng,
Hương Phật đi một bước,
Được phước này nhiều hơn,
So với phước trên kia,
Bằng một phần mười sáu.*

“Thế nên trưởng giả cứ đi tới trước, chớ trở lui.”

Thiên thần lại nói tiếp kệ:

*Long tượng tại núi Tuyết,
Trang sức bằng vàng ròng,
Thân to, ngà dài lớn,
Dem voi này cho người,
Chẳng bằng phước hương Phật,
Chỉ một phần mười sáu.*

“Thế nên trưởng giả mau đi tới trước, được lợi ích lớn, đừng trở lui.”

Thiên thần liền nói kệ:

*Gái nước Kim-bồ-xà,
Số đến cả trăm người,*

*Đủ các thứ báu đẹp,
Trang sức đầy châu ngọc,
Dem bố thí tất cả,
Cũng chẳng bằng công đức,
Hướng đến Phật một bước,
Bằng một phần mười sáu.*

“Thế nên, trưởng giả mau đi nhanh tới trước, sẽ được lợi ích tốt đẹp, đừng trở lui.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi Thiên thần:

“Hiền giả! Hiền giả là ai?”

Thiên thần đáp:

“Tôi là Ma-đầu-tức-kiện-đại ma-na-bà, trước đây là người quen của trưởng giả, đối với Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên tôi khởi lòng tin kính, do công đức này được sanh cõi trời, trấn giữ cả thành này. Thế nên tôi bảo trưởng giả chỉ nên đi tới trước, chớ có trở lui cứ đi tới trước sẽ được lợi ích lớn, đừng trở về.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: “Đức Phật xuất hiện ở thế gian chẳng phải là việc nhỏ. Được nghe Chánh pháp chẳng phải là chuyện nhỏ. Bởi thế Thiên thần khuyên ta nên đi tới gặp Phật”.

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc theo ánh sáng kia, đi qua nghĩa địa Hàn lâm. Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống, trưởng giả từ xa trông thấy Phật rồi, liền tiến tới trước, theo pháp của thế gian cung kính thăm hỏi:

“Bạch Thế Tôn, Ngài có được an ổn?”

Thế Tôn nói kệ:

*Bà-la-môn, Niết-bàn,
Là luôn luôn an vui,
Chẳng đắm nhiễm ái dục,
Đã vĩnh viễn giải thoát,
Dứt tất cả mong cầu,
Điều phục tâm hừng hẫy,
Tâm được lặng, dừng bật,
Tâm lặng, ngủ an ổn.*

Thế Tôn dẫn trưởng giả Cấp Cô Độc vào trong phòng, ngồi trên

chỗ ngồi, thân ngay thẳng, hệ niệm. Khi ấy Thế Tôn vì trưởng giả thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho vui mừng. Xong rồi, Thế Tôn nói về các pháp vô thường, khuyên làm việc phước bố thí, trì giới, làm việc phước để sanh về cõi trời, vị ngọt của dục, tai hại của dục và sự xuất ly dục. Trưởng giả nghe pháp, thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, hiểu rõ pháp, dứt hết mọi nghi hoặc, chẳng phải do người khác, được tin, chẳng phải do người khác được độ, vào Chánh pháp luật, tâm được vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục đánh lễ Phật, gối phải sát đất, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã được độ! Bạch Thiện Thệ, con đã được độ. Từ nay đến suốt đời con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, được làm Ưu-bà-tắc, xin chứng tri cho con!”

Thế Tôn hỏi trưởng giả Cấp Cô Độc:

“Ông tên là gì?”

Trưởng giả bạch Phật:

“Con tên là Tu-đạt-đa. Vì con thường hay giúp đỡ cho người cô độc khốn khổ nên người đương thời gọi con là Cấp Cô Độc.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Ông ở đâu?”

Trưởng giả bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con ở tại xứ Câu-tát-la, thành Xá-vệ. Xin Thế Tôn đến nước Xá-vệ. Con sẽ suốt đời cúng dường y phục, thức ăn, phòng xá, giường nằm và thuốc men tùy bệnh.”

Phật hỏi trưởng giả:

“Nước Xá-vệ có tinh xá không?”

Trưởng giả bạch Phật:

“Thưa không.”

Phật bảo trưởng giả:

“Ông hãy ở nơi ấy kiến lập tinh xá để các Tỳ-kheo lui tới tạm trú.”

Trưởng giả bạch Phật:

“Con chỉ mong Thế Tôn đến nước Xá-vệ, con sẽ cất tinh xá, Tăng phòng để các Tỳ-kheo lui tới dừng nghỉ.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời, trưởng giả biết Thế Tôn im lặng nhận lời, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ra.

KINH 593. CẤP CÔ ĐỘC³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc bị bệnh nặng, từ trần sanh về cung trời Đâu-suất, làm Thiên tử cõi trời này, suy nghĩ rằng: “Ta chẳng nên ở đây lâu, nên đến gặp Đức Thế Tôn”. Nghĩ như thế rồi, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất từ trời Đâu-suất, hiện ra trước Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Thiên tử Cấp Cô Độc thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, Thiên tử Cấp Cô Độc nói kệ:

*Nơi rừng Kỳ-hoàn này,
Tiên nhân Tăng³⁹ trụ đó;
Các Vua⁴⁰ cũng ở đó,
Khiến con càng vui mừng.
Tin sâu nghiệp, tịnh giới,
Trí tuệ, thọ tối thắng;
Lấy đó tịnh chúng sanh,⁴¹
Không dòng họ, tài vật.
Xá-lợi-phất Đại trí,
Chánh niệm thường tịch tĩnh;
An nhàn tu viễn ly,
Bạn lành người mới học.*

Nói kệ này xong liền biến mất.

Đức Thế Tôn sau đêm ấy, vào trong chúng Tăng trải tọa cụ ngồi trước chúng rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Trong đêm này có một Thiên tử dung mạo tuyệt diệu, đi đến

³⁸. Pāli: S.2.20. Anāthapiṇḍika. Tham chiếu, N^o100(187).

³⁹. Tiên nhân Tăng 仙人僧, chỉ Tăng đệ tử Phật. Pāli: isisaṅgha.

⁴⁰. Hán: chư vương 諸王. Pāli: dhammarāja, pháp vương, chỉ Phật.

⁴¹. Pāli: kammaṃ vijjā ca dhammo ca sīlam jīvitamuttam; etena maccā sujhanti: chúng sanh được thanh tịnh bởi nghiệp, minh, pháp, giới và chánh mạng tối thắng. Pāli: jivita, bản Hán hiểu là (tuổi) thọ thay vì là chánh mạng.

chỗ Ta, cúi đầu lễ dưới chân Ta, rồi ngồi lui qua một bên nói kệ:

*Ở rừng Kỳ-hoàn này,
Tiên nhân Tăng trụ đó;
Các Vua cũng ở đó,
Khiến con càng vui mừng.
Tin sâu nghiệp tịnh giới,
Trí tuệ, thọ tối thắng;
Lấy đó tịnh chúng sanh,
Không dòng họ, tài vật.
Xá-lợi-phất Đại trí,
Chánh niệm thường tịch tĩnh;
An nhàn tu viễn ly,
Bạn lành người mới học.*

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, như con hiểu lời Thế Tôn nói, gia chủ Cấp Cô Độc sanh lên cõi trời kia rồi đến diện kiến Thế Tôn, nhưng gia chủ Cấp Cô Độc kia, đối với Tôn giả Xá-lợi-phất rất mực kính trọng.”

Phật bảo A-nan:

“Này A-nan, đúng thế! Này A-nan, gia chủ Cấp Cô Độc sanh về cõi trời kia rồi đến gặp Ta.”

Thế Tôn vì Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:

*Tất cả trí thế gian,
Chỉ trừ trí Như Lai;
So trí Xá-lợi-phất,
Không bằng phần mười sáu.
Như trí Xá-lợi-phất,
Cùng tất cả trời người;
So với trí Như Lai,
Không bằng phần mười sáu.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 594. THỦ THIÊN TỬ⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại tinh xá Khoáng dã. Bảy giờ có gia chủ Khoáng dã bệnh nặng từ trần, sanh về cõi trời Vô nhiệt. Sau khi sanh về cõi trời ấy, liền nghĩ rằng: ‘Ta không nên ở đây lâu, không gặp Thế Tôn.’ Nghĩ xong, trong khoảnh khắc, nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất từ cõi trời Vô nhiệt, hiện ra trước Phật. Thân thể Thiên tử ấy trụ lại trên mặt đất mà không thể tự đứng, giống như dầu bơ tụ lại trên đất không thể tự đứng. Thân thể của Thiên tử ấy nhỏ nhắn, mềm nhũn, không thể tự đứng dậy được.”

Bảy giờ Thế Tôn bảo Thiên tử:

“Ông nên biến hóa thành thân thô để đứng trên đất.”

Thiên tử liền hóa thành thân thô đứng trên đất. Thiên tử ấy đến đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.”

Bảy giờ, Thế Tôn bảo Thủ thiên tử:

“Này, Thủ thiên tử⁴³, những kinh pháp mà ông đã học trước đây khi làm thân người, ở thế gian này nay còn nhớ chẳng quên chăng?”

Thủ Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, những gì con đã thu nhận đến nay vẫn không quên. Những pháp mà khi làm người ở thế gian, con đã nghe nhưng không hiểu hết, nay vẫn còn nhớ. Như Thế Tôn khéo nói, Thế Tôn nói rằng: ‘Nếu người được ở nơi an vui, có thể nhớ nghĩ pháp, chứ không phải ở chỗ khổ não.’ Lời nói này rất chân thật. Như Thế Tôn ở tại Diêm-phù-đề thuyết pháp cho đủ tất cả các loài và bốn chúng vây quanh. Bốn chúng kia nghe Phật dạy, tất cả đều cung kính vâng làm. Con cũng như vậy, ở trên cõi trời Vô nhiệt vì các Thiên nhân nơi đại hội nói pháp. Các vị trời này đều lãnh thọ tu học.”

Phật bảo Thủ thiên tử:

“Lúc ông ở thế gian, đối với những pháp gì không biết chán đủ mà được sanh về cõi trời Vô nhiệt?”

Thủ thiên tử bạch Phật:

⁴². Pāli: A.3.125. Hatthaka. Tham chiếu, N^o100(188).

⁴³. Thủ Thiên tử 手天子. Pāli: Hatthaka.

“Bạch Thế Tôn, con ở nơi ba pháp không biết chán, nên khi thân hoại, sanh lên cõi trời Vô nhiệt. Những gì là ba pháp? Đó là vì con thấy Phật không biết chán nên khi chết sanh về cõi trời Vô nhiệt. Do con đối với Pháp của Phật không biết chán nên sanh về cõi trời Vô nhiệt. Do cúng dường chúng Tăng không biết chán nên khi chết sanh về cõi trời Vô nhiệt.”

Rồi Thủ Thiên tử nói kệ:

*Thấy Phật không biết chán,
Nghe Pháp cũng không chán;
Cúng dường các chúng Tăng,
Cũng chưa từng biết đủ.
Thọ trì pháp Hiền thánh,
Điều phục tham trước bản;
Ba pháp không biết đủ,
Nên sanh Vô nhiệt thiên.*

Thủ thiên tử sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, rồi biến mất.

**
*

KINH 595. ĐÀO SU⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử Vô phiền tướng mạo tuyệt diệu, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử nói kệ:

*Sanh cõi trời Vô phiền,
Bấy Tỳ-kheo giải thoát;
Tham, sân, nhuế đã hết,
Siêu thoát vượt ân ái.
Ai qua khỏi các dòng,
Quân ma chết khó vượt?*

⁴⁴. Thọ gồm. Pāli: S.2.24. Ghaṭṭikara. Tham chiếu, N^o100(189).

*Ai bút cùm ma chết,
Trọn thoát gông phiền não?⁴⁵*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tôn giả Ưu-ba-ca,
Cùng Ba-lợi-kiện-trà;
Phát-ca-la-sa-lê,
Bạt-đề, Kiên-dà-điệp.
Với Bà-hưu-nan-đề,
Và Bà-tỳ-sấu-nậu;
Tất cả bảy vị này,
Đều vượt qua các dòng.
Bút tuyệt cùm ma chết,
Vượt chỗ khó-vượt kia;
Bút cùm các ma chết,
Siêu việt ách cõi trời.
Nói pháp rất thâm diệu,
Giác ngộ người khó biết;
Khéo hỏi nghĩa sâu xa,
Hiện nay người là ai?*

Thiên tử ấy nói kệ bạch Phật:

*Con là A-na-hàm,
Sanh cõi trời Vô phiền;
Nên biết những điều ấy,
Bảy Tỳ-kheo giải thoát.
Hết tham dục, sân nhuế,
Trọn thoát mọi ân ái.*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,
Ý nhập xứ thứ sáu;
Nếu danh kia và sắc,
Được dứt sạch không còn.*

⁴⁵. Phiền não ách 煩惱軛; đoạn sau, nói là chư Thiên ách 諸天軛. Pāli: dibbayoga, gông cùm cõi trời.

*Biết rõ các pháp này,
Bảy Tỳ-kheo giải thoát;
Tham hữu đều đã hết,
Trọn thoát mọi ân ái.*

Thiên tử lại nói kệ:

*Thôn Bệ-bạt-lăng-già⁴⁶,
Con cư ngụ trong ấy;
Tên Nan-đề-bà-la,
Chuyên làm các đồ gốm.
Đệ tử Phật Ca-diếp,
Giữ pháp Ưu-bà-tắc;
Cúng dường bậc cha mẹ,
Lìa dục tu phạm hạnh.
Đời đời làm bạn con,
Con cũng bạn vị ấy;
Các Chánh sĩ như vậy,
Đời trước cùng hòa hợp,
Khéo tu nơi thân tâm,
Còn giữ thân cuối này.*

Bấy giờ Thế Tôn lại nói kệ:

*Ông là bậc Hiền sĩ,
Như lời ông đã nói;
Thôn Bệ-bạt-lăng-già,
Tên Nan-đề-bà-la.
Đệ tử Phật Ca-diếp,
Thọ pháp Ưu-bà-tắc;
Cúng dường bậc cha mẹ,
Lìa dục tu phạm hạnh.
Trước kia bạn của ông,
Ông cũng là bạn họ;
Các Chánh sĩ như vậy,
Đời trước cùng hòa hợp,*

⁴⁶. Bệ-bạt-lăng-già. Pāli: Vehaliṅga.

*Khéo tu thân tâm kia,
Còn giữ thân cuối này.*

Phật nói kinh này xong, Thiên tử nghe lời Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ rồi biến mất.

**
*

KINH 596. THIÊN TỬ (1)⁴⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử⁴⁸ tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Đời này nhiều sợ hãi,
Chúng sanh thường não loạn;
Đã khởi cũng là khổ,
Chưa khởi cũng sẽ khổ.
Có chỗ lìa sợ chằng?
Mong Bạc Tuệ Nhãn nói.*

Lúc ấy Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ngoại trừ cần hành khổ,
Ngoại trừ trị các căn;
Ngoại trừ xả tất cả,
Không đâu thấy giải thoát.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử ấy nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

⁴⁷. Pāli: S.2.17. Subrahmā. Tham chiếu, N^o100(181):

⁴⁸. Pāli: Thiên tử có tên là Subrahmā.

KINH 597. THIÊN TỬ (2)⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nó kệ hỏi Phật:

*Thế nào các chúng sanh,
Được thân tướng tốt đẹp;
Cần tu phương tiện gì,
Được con đường giải thoát?
Chúng sanh trụ pháp gì,
Nên tu tập pháp gì?
Là những chúng sanh nào,
Được chư Thiên cúng dường?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Giữ giới, trí tuệ sáng,
Tự tu tập chánh định;
Chánh trực, tâm buộc niệm,
Tinh cần, ưu tư diệt.
Được trí tuệ bình đẳng,
Tâm kia khéo giải thoát;
Do những nhân duyên này,
Được thân tướng đẹp đẽ.
Thành tựu đạo giải thoát,
Tâm trụ trong đó học;
Người đủ đức như thế,
Được chư Thiên cúng dường.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;*

⁴⁹. Tham chiếu, N^o100(182).

*Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử nghe Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật, rồi biến mất.

**
*

KINH 598. THỤY MIÊN⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Chìm đắm trong ngủ nghỉ,
Ngáp dài, không vui vẻ;
Ăn no, tìm hồi hộp,
Lười biếng, không siêng năng.
Mười⁵¹ điều che chúng sanh,
Khiến Thánh đạo không hiện.*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tâm chìm đắm ngủ nghỉ,
Ngáp dài, không vui vẻ;
Ăn no, tìm hồi hộp,
Lười biếng, không siêng năng.
Người tinh cần tu tập,
Hay khai phát Thánh đạo.*

Thiên tử lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

⁵⁰. Pāli: S.1.16. Niddātaṇḍī.

⁵¹. Nguyên Hán: thập 十 . Ấn Thuận nghi là thất 七 .

Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

KINH 599. KẾT TRIỀN⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Trời ngoài, không phải trời,
Trời trong trời chúng sanh;
Nay xin hỏi Cù-đàm,
Ai nơi trời là trời?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người trí kiến lập giới,
Nội tâm tu trí tuệ;
Tỳ-kheo siêng tu tập,
Nơi trời hay thoát trời.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

⁵². Pāli: S.1.23. Jaṭā. Tham chiếu, N^o100(173).

KINH 600. NAN ĐỘ⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Khó vượt, khó thể nhân,
Sa-môn vì không biết;
Khởi nhiều thứ gian nan,
Càng mê muội chìm đắm.
Tâm giác tưởng chi phối,
Thường thường bị chìm đắm;
Sa-môn làm thế nào,
Khéo nhiếp hộ tâm mình?*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

*Như con rùa khôn khéo,
Tự thu mình trong mai;
Tỳ-kheo tập thiên tư,
Khéo nhiếp các giác tưởng.
Tâm kia không chỗ nương,
Không gì làm sợ hãi;
Đó là tự ẩn kín,
Không bị ai phỉ báng.*

Thiên tử lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

⁵³. Pāli: S.1.17. Dukkara. Tham chiếu, N^o100(174).

KINH 601. TIỂU LƯU⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Tát-la⁵⁵ dòng thác nhỏ,
Nơi đâu sẽ nghịch dòng?
Con đường tắt sanh tử,
Nơi nào mà chẳng chuyển?
Các khổ lạc thế gian,
Do đâu dứt không còn?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,
Cùng với ý nhập xứ;
Danh sắc dứt không còn,
Tát-la ngược dòng nhỏ.
Đường sanh tử không chuyển,
Khổ lạc dứt không còn.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

⁵⁴. Pāli: S.1.27. Sarā. Tham chiếu, N^o100(176).

⁵⁵. Tát-la 薩羅 . Pāli: Sarā, dòng nước; chỉ dòng luân hồi (saṃsāra-sarā). Bản Hán hiểu là tên sông.

KINH 602. LỘC BÁC⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Đùi nai Y-ni-da⁵⁷,
Bậc tôn trong Tiên nhân;
Ăn ít, không dăm vị,
Thiền tư, thích núi rừng.
Nay con kính cúi đầu,
Xin hỏi Đức Cù-đàm;
Làm sao lìa khỏi khổ?
Làm sao giải thoát khổ?
Nay con hỏi giải thoát,
Nơi đâu mà dứt sạch?*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

*Năm dục của thế gian,
Tâm pháp là thứ sáu;
Nơi dục ấy không dục,
Giải thoát tất cả khổ.
Như thế ra khỏi khổ,
Như thế giải thoát khổ;
Ông hỏi về giải thoát,
Chính nơi kia diệt tận.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;*

⁵⁶. Đùi nai. Pāli: S.1.20. Eṇijaṅgha.

⁵⁷. Y-ni-da lộc bác 伊尼耶鹿躡, đùi nai, một tướng tốt của Phật. Đây chỉ Phật. Pāli: Eṇijaṅghā.

*Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

**
*

KINH 603. CHỮ LƯU

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Làm sao qua các dòng,
Làm sao qua biển lớn;
Làm sao trừ được khổ,
Làm sao được thanh tịnh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Lòng tin vượt các dòng,
Không buông lung qua biển;
Tinh tấn hay trừ khổ,
Trí tuệ được thanh tịnh.*

Thiên tử lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Trọn vượt thoát ân ái.*

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.



TẬP A-HÀM QUYỂN 23

KINH 604. A-DỤC VƯƠNG NHÂN DUYÊN¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại thành Vương xá, trong vườn Trúc, khu Calan-đà.

Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn đắp y, mang bát, cùng với Tỳ-kheo Tăng vào thành khất thực. Như bài kệ nói:

*Sắc thân như núi vàng,
Rất đoan nghiêm vi diệu;
Bước đi như ngỗng chúa,
Mặt như trăng sáng đầy;
Thế Tôn cùng đại chúng.*

Lúc ấy, Thế Tôn lấy chân giẫm lên phần đất giới hạn cửa thành tạo thành sáu thứ chấn động. Như bài kệ nói:

*Biển lớn và đất bằng,
Thành quách cùng núi non,
Chân Mâu-ni giẫm lên,
Dao động như thuyền sóng.*

Đức Phật biến hiện thần lực như thế, lúc đó nhân dân cùng cất tiếng xướng lớn rằng:

“Kỳ diệu thay, pháp chưa từng có, thần lực biến hiện như Đức Thế Tôn khi vào thành, hiển bày những việc chưa từng có như thế. Như bài kệ nói:

*Đất thấp liền bằng lên,
Đất cao thành thấp xuống;*

¹ Nguyên Đại Chánh quyển 23. Được đa số học giả hiện đại đoán định là không thuộc Tập A-hàm. Không có tương đương trong tạng Pāli. Quốc Dịch và Phật Quang đều để vào phần Phụ lục. Đây giữ nguyên theo thứ tự quyển số của Đại Chánh. Tham chiếu, Skt. Divyāvadāna 26-27 (Cowell & Nell ed. pp. 364-405). Hán tạng, Đại 50, N^o2042 A-dục vương truyện; N^o2043 A-dục vương kinh. Nguồn tư liệu Pāli: Dīpavaṃsa, chương i, v, vi, vii, xi,...; Mahāvāṃsa, chương v, xi, xx, Samantapāsādikā.

*Do oai thân của Phật,
Nên gai góc, sỏi đá,
Đều chẳng còn thấy nữa.
Người mù, điếc, câm, ngọng,
Liên được thấy, nghe, nói;
Nhạc khí trong thành quách,
Chẳng đánh, phát diệu âm.”*

Bấy giờ, Thế Tôn tỏa ánh sáng chiếu khắp như ánh sáng của ngàn mặt trời. Như kệ nói:

*Thế Tôn thân sáng chói,
Chiếu khắp cả thành ấp.
Nhân dân nhờ ánh Phật,
Mát như thoa chiêm-đàn.*

Bấy giờ, Đức Phật thuận theo thành ấp mà đi. Lúc đó có hai em bé, một đẳng cấp thượng và một đẳng cấp thứ, cùng nhau vọc cát chơi đùa; một tên Xà-da, một tên Tỳ-xà-da². Từ xa trông thấy Thế Tôn đầy đủ ba mươi hai tướng bậc Đại nhân trang nghiêm thân, đồng tử Xà-da nghĩ thầm: “Mình đem bột này cúng dường.” Rồi tay nắm một nắm cát mịn bỏ vào bát Thế Tôn. Khi ấy, Tỳ-xà-da chấp tay tùy hỷ. Như bài kệ nói:

*Thấy Thế Tôn đại bi,
Toàn thân sáng một tâm.
Được nhìn thấy Thế Tôn,
Sanh lòng tin kính lớn,
Dâng nắm cát cúng dường,
Được thoát bờ sanh tử.*

Bấy giờ, em bé kia phát nguyện rằng: “Nhờ căn lành của công đức huệ thí này, mong con được làm một vị Tấn cái vương³ của một thiên hạ, ngay đời này được cúng dường chư Phật.”

Như bài kệ đã nói:

² Xà-da 閼耶 và Tỳ-xà-da 毘閼耶. Skt. Jaya, Vijaya.

³ Tấn cái vương 繖蓋王, hay Bạch tán cái vương 白繖蓋王, nhà vua có lọng trắng, nghi vệ của một Đại hoàng đế.

*Mâu-ni biết tâm kia,
Cùng ý kia mong muốn,
Được quả thêm căn lành,
Cùng với sức phước điền;
Phật với tâm đại bi,
Nhận năm cát cúng dường.*

Xà-da nhờ căn lành này được làm vua, vua xứ Diêm-phù-đề, cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên, Thế Tôn mỉm cười. A-nan thấy Phật mỉm cười, liền chấp tay hướng về Phật, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chư Phật Thế Tôn, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng phải không nhân duyên gì mà mỉm cười.” Như kệ nói:

*Thế Tôn lia cười đùa,
Vô Thượng Tôn trên đời,
Răng trắng như ngọc quý,
Đáng Tối Thắng mỉm cười.
Dũng mãnh siêng tinh tấn,
Không Thấy mà tự giác;
Lời hay khiến thích nghe,
Tiếng dịu dàng siêu tuyệt,
Huyền ký đồng tử kia,
Bằng Phạm âm trong vắt.
Lưỡng Túc Tôn vô thượng,
Ghi nhận quả thí cát.*

Khi ấy Thế Tôn bảo A-nan:

“Đúng thế! Đúng thế! Như lời người nói. Chư Phật không có nhân duyên chẳng mỉm cười. Hôm nay Ta cười là vì có nhân duyên.”

“A-nan nên biết, sau khi Ta diệt độ một trăm năm, đồng tử này sẽ ở tại ấp Ba-liên-phát⁴ thống lãnh một phương, làm Chuyển luân

Ba-liên-phát 巴連弗. Pāli: Pāṭaliputta (Skt. Pāṭaliputra), thời Phật, là thôn Pāṭaligāma, trong vương quốc Magadha.

vương, họ Khổng Tước⁵, tên A-dục⁶, đem chánh pháp cai trị, giáo hóa nhân dân và lại còn phân bố rộng rãi xá-lợi của Ta, sẽ xây dựng tám muôn bốn ngàn tháp Pháp vương, đem lại sự an vui cho vô lượng chúng sanh.” Như kệ nói:

*Sau khi Ta diệt độ,
Người này sẽ làm vua,
Họ Khổng Tước, tên Dục,
Ví như vua Đảnh sanh,
Nơi Diêm-phù-đề này,
Được tôn quý bậc nhất.*

“A-nan! Hãy lấy nắm cát được bố thí trong bát đổ ra nơi chỗ Như Lai kinh hành. Ta sẽ đi nơi đó.”

A-nan vâng lời Phật dạy, liền lấy cát trong bát Phật rải trên chỗ kinh hành.

Đức Phật dạy:

A-nan nên biết, sau này tại thành ấp Ba-liên-phát có vua hiệu là Nguyệt Hộ⁷. Vị vua ấy sẽ sanh con tên là Tần-đầu-sa-la⁸, cai trị nước đó. Vua lại có một người con nữa tên là Tu-sư-ma⁹. Thời bấy giờ, nước Chiêm-bà có một thiếu nữ Bà-la-môn rất đẹp, khiến người ưa thích, nàng là trân bảo của đất nước. Các nhà tướng số xem tướng thiếu nữ này đều đoán rằng: ‘Nàng sẽ là vương phi và sẽ sanh ra hai người con. Một người sẽ thống lãnh thiên hạ và một người sẽ xuất gia học đạo, thành tựu Thánh đạo.’ Người Bà-la-môn nghe tướng sư nói vậy vui mừng vô hạn, liền đưa con gái của ông ta đến ấp Ba-liên-phát, sắm sửa trang điểm cho cô gái thật xinh đẹp. Ông muốn đem gả cho vương tử Tu-sư-ma. Tướng sư bảo: ‘Nên gả cho Tần-đầu-sa-la vương. Cô này sẽ sanh con phước đức. Đứa con sẽ nối cơ nghiệp của nhà vua.’ Bà-la-

⁵. Khổng Tước 孔雀. Skt. Maurya, tên dòng họ và cũng là Vương triều. Pāli: Moriyā.

⁶. A-dục 阿育. Skt. Asoka (Pāli: Asoka).

⁷. Nguyệt Hộ 月護. Skt. Candragupta (Pāli: Candagutta), Ông nội vua A-dục, người sáng lập vương triều Maurya (Khổng Tước Vương triều).

⁸. Tần-đầu-sa-la 頻頭婆羅. Skt. Bindusāra, con trai của Candragupta.

⁹. Tu-sư-ma 修師摩. Skt. Susīma, em của Bindusāra.

môn đem con gái gả cho nhà vua này. Vua thấy thiếu nữ đoan chánh, có đức hạnh, bèn phong làm phu nhân.

Những bà phu nhân trước và các thế nữ thấy phu nhân này đi đến liền nghĩ rằng: “Thiếu nữ này quá đoan chánh, là trân bảo của đất nước. Nếu nhà vua say đắm nàng, nhà vua sẽ bỏ chúng ta, cho đến mắt không nhìn tới nữa.” Phu nhân và các cung phi bắt thiếu nữ ấy học nghề thợ cạo. Sau khi học xong, nàng lo việc cắt tỉa râu tóc cho vua. Khi cắt râu tóc, nhà vua rất hoan hỷ, bèn hỏi cô gái:

“Cô ước mơ điều gì?

Thiếu nữ-tâu:

“Tôi chỉ mong được vua để tâm, thương yêu nghĩ đến.”

Nàng nói như vậy ba lần.

Lúc ấy vua bảo:

“Ta là vua Quán đánh dòng Sát-lợi. Còn nàng là thợ cạo. Làm sao ta có thể thương tưởng nàng được?”

Thiếu nữ-tâu:

“Tôi chẳng phải là con dòng hạ tiện. Tôi con gái của dòng họ cao quý Bà-la-môn. Các tướng sư nói với cha tôi rằng: ‘Cô gái này nên gả cho Quốc vương.’ Vì thế nên tôi mới đến đây.”

Vua lại hỏi:

“Nếu như thế, ai khiến nàng học tập cái nghề hèn mọn này?”

Thiếu nữ đáp:

“Phu nhân trước và các thế nữ bắt tôi phải học nghề này.”

Nhà vua liền ra lệnh:

“Từ nay về sau, nàng chớ làm nghề hạ tiện này nữa.”

Vua liền lập nàng làm Đệ nhất phu nhân. Nhà vua cùng nàng thụ hưởng dục lạc. Chẳng bao lâu nàng mang thai. Đầy tháng thì sanh con. Lúc sanh nở an ổn, mẹ không ưu não. Qua bảy ngày đặt tên là Vô Ưu¹⁰. Rồi lại sanh thêm một người nữa đặt tên là Ly Ưu¹¹. Vô Ưu có thân thể thô nhám, vua cha không muốn đến gần bông bế, không có tình quyến luyến. Nhà vua lại muốn thử hai người con,

¹⁰. Vô Ưu 無憂, dịch nghĩa của Asoka (A-dục).

¹¹. Ly Ưu 離憂. Skt. Vigata-asoka.

nên gọi Bà-la-môn Tân-già-la-a¹² bảo rằng:

“Hòa thượng xem giùm hai đứa con của ta. Sau khi ta từ trần, ai sẽ làm vua?”

Ba-la-môn đáp:

“Xin đem các thái tử này ra khỏi thành, đến lầu Kim điện trong công viên¹³. Ở nơi đó, tôi sẽ xem tướng.”

Bèn ra khỏi thành, đến khu vườn ấy. Trong khi ấy, mẹ vua A-dục nói với A-dục:

“Con hãy theo vua cha ra nơi dinh thự trong vườn Kim điện xem tướng các vương tử, sau khi nhà vua mất rồi ai sẽ làm vua? Sao con không đi?”

A-dục đáp:

“Vua cha chẳng nghĩ gì đến con và cũng chẳng vui khi thấy con.”

Bà mẹ lại bảo:

“Con chỉ đến nơi ấy thôi.”

A-dục thưa:

“Mẹ dạy con đi thì con vâng theo. Xin mẹ đưa đồ ăn uống đến cho con.”

Mẹ đáp:

“Được. Con hãy ra khỏi thành đi.”

A-dục đi ra khỏi thành. Lúc ra cửa, gặp một vị đại thần tên là A-nậu-la-đà¹⁴. Vị quan này hỏi A-dục:

“Vương tử đi đâu thế?”

A-dục đáp:

“Tôi nghe Đại vương ra ngoài thành, ở trong vườn Kim điện xem tướng các vương tử, để sau khi vua băng hà, ai sẽ làm vua. Bây giờ, tôi đi đến nơi ấy.”

Nhà vua đã ra lệnh cho các đại thần:

“Nếu A-dục đến thì phải khiến cưỡi con voi già chậm lụt mà đến và thêm người già làm tùy tùng.”

¹². Tân-già-la-a 賓伽羅阿. Skt. Piṅgalavatsājīva.

¹³. Kim điện viên quán 金殿園館.

¹⁴. A-nậu-la-đà 阿菟羅陀; A-dục vương kinh nói là Thành Hộ 城護; A-dục vương truyện nói là La-đề-quật-đa 羅提窟多 (Skt. Rādhagupta).

A-dục cưỡi voi già đến trong viên quán và ngồi dưới đất, giữa các vương tử. Bấy giờ, các vương tử soạn thức ăn uống. Mẹ của A-dục lấy chén nung đựng đầy sữa và cơm trao cho A-dục. Trong lúc các vương tử ăn uống như thế, vua cha hỏi thầy tướng:

“Trong đây ai có tướng vua, sẽ kế vị ta được?”

Thầy tướng nhìn kỹ các vương tử, thấy A-dục đầy đủ tướng vua, sẽ được kế vị. Nhưng lại nghĩ thầm: ‘Nhà vua không hài lòng về vương tử A-dục này. Nếu ta nói A-dục sẽ làm vua, chắc chắn Đại vương không vui.’ Ông liền nói rằng:

“Bấy giờ tôi xin ghi nhận chung chung.”

Vua nói lại:

“Cứ theo lời sư chỉ.”

Thầy tướng nói:

“Trong đây người nào cưỡi cỗ xe đẹp nhất thì người ấy sẽ làm vua.”

Các vương tử nghe nói như thế, mỗi người đều nghĩ rằng: ‘Cỗ xe của mình đẹp nhất.’ Lúc ấy A-dục nói:

“Tôi cưỡi con voi già, tôi được làm vua.”

Vua lại bảo thầy tướng:

“Xin xem lại rồi xác nhận.”

Thầy tướng lại đáp:

“Trong đây người nào có chỗ ngồi bậc nhất, người ấy sẽ làm vua.”

Các vương tử cùng bảo nhau.

“Chỗ ta ngồi là bậc nhất.”

A-dục nói:

“Nay tôi ngồi dưới đất, là chỗ ngồi bậc nhất, tôi sẽ làm vua.”

Vua lại bảo thầy tướng:

“Hãy xem lại một lần nữa.”

Thầy tướng lại bảo rằng:

“Trong đây vị nào có chén bát và thức ăn quý giá hơn hết, thì người ấy sẽ làm vua.”

Chi tiết, cho đến, A-dục nghĩ thầm: ‘Ta có cỗ xe tốt nhất; chỗ ngồi bậc nhất và thức ăn ngon nhất.’

Nhà vua xem tướng các con xong rồi, trở về cung. Mẹ của A-dục hỏi A-dục:

“Bà-la-môn tiên đoán người nào sẽ làm vua?”

A-dục thưa mẹ:

“Người có cỗ xe tốt nhất, người có chỗ ngồi bậc nhất và đồ dùng quý nhất, thức ăn ngon nhất, người ấy sẽ làm vua. Con tự thấy con sẽ làm vua. Vì con cưỡi con voi già, ngồi dưới đất, chén bát thuần khiết đựng đầy thức ăn như cơm gạo khô trộn sữa.”

Bà-la-môn biết A-dục sẽ làm vua nên tỏ vẻ cung kính mẹ của A-dục. Mẹ của A-dục cũng ban thưởng trọng hậu cho Bà-la-môn và tiện dịp hỏi:

“Sau khi Đại vương từ trần ai sẽ làm vua?”

Thầy tướng đáp:

“Điều này không thể nói được.”

Bà hỏi mãi ba lần ông mới đáp:

“Tôi sẽ nói nhưng lệnh bà hãy cẩn thận, chớ cho ai biết. Lệnh bà sanh được người con này là A-dục. Chính người này sẽ làm vua vậy.”

Phu nhân bảo rằng:

“Tôi nghe lời nói này hết sức vui mừng. Nếu nhà vua nghe được, đối với thầy tướng vua sẽ không còn tin kính nữa. Vậy thầy nên trở về chốn cũ. Nếu con tôi làm vua thì thầy cũng sẽ được tất cả những điều tốt đẹp. Tôi sẽ cúng dường suốt đời.”

Lúc ấy nước láng giềng Đức-xoa-thi-la¹⁵ làm phản, vua Tần-đầu-la bảo A-dục:

“Con hãy đem bốn binh chủng đi bình phạt nước kia.”

Khi vương tử ra đi, chẳng cho binh giáp. Bấy giờ, người đi theo thưa với vương tử:

“Nay đi bình phạt nước kia, nhưng không có quân cụ, thì làm sao dẹp yên được?”

A-dục nói:

“Nếu ta sẽ làm vua thì do phước báu của căn lành, binh giáp tự nhiên đến.”

Ứng theo tiếng nói của A-dục, mặt đất liền nứt ra, binh giáp từ

¹⁵. Đức-xoa-thi-la 德叉尸羅. Skt. Takṣaśīla. Pāli: Takkaśīla, thủ phủ của Gandhara.

đất hiện ra. A-dục bèn đem bốn thứ quân binh đến bình phạt nước ấy.

Nhân dân các nước kia nghe A-dục đến liền sửa sang đường sá, trang nghiêm thành quách, mang bình quý đựng nước và các thức cúng dường, đón tiếp kính dâng vương tử và nói rằng:

“Chúng tôi không phản Đại vương và vương tử A-dục. Nhưng bọn quan lại làm hại chúng tôi, nên chúng tôi mới trái nghịch với Thánh hóa.”

Nhân dân đem các thức cúng dường vương tử; rước vương tử vào thành. Sau khi bình định nước này rồi, lại sai đi chinh phạt nước Khusa.

Đương thời có hai vị đại lực sĩ giúp vua sửa sang đường sá, dời các đá núi. Lại có chư Thiên đến tuyên lệnh cho nước này rằng: ‘A-dục sẽ làm vua thiên hạ này. Các người chớ nên khởi ý chống đối.’ Quốc vương kia bèn quy hàng. Như thế, chi tiết cho đến, bình định thiên hạ này cho đến bờ biển.

Một hôm vương tử Tu-sư-ma ra ngoài thành dạo chơi, lại gặp một vị đại thần. Vị đại thần này không chào vương tử theo nghi lễ. Vương tử liền sai người đánh đập đại thần. Đại thần nghĩ rằng: ‘Vương tử này chưa được ngôi vua, mà cách xử sự như thế. Nếu được làm vua thì không thể nào chịu nổi.’ Lại nghe A-dục được thiên hạ, chinh phục được năm trăm đại thần. Họ nói: ‘Chúng ta sẽ cùng nhau lập A-dục làm vua, thống lãnh thiên hạ này.’

Nước Đức-xoa-thi-la lại làm phản. Các quan cùng nhau luận bàn, đề nghị vương tử Tu-sư-ma đi dẹp loạn. Vua bằng lòng. Vương tử liền đi đến nước kia, nhưng không hàng phục được, vua cha lại bị bệnh nặng, bảo các quan:

“Nay ta muốn lập Tu-sư-ma làm vua. Hãy lệnh cho A-dục đến nước kia.”

Bấy giờ, các quan muốn lập A-dục lên làm vua. Họ lấy sắc vàng bôi lên thân thể, mặt mày và tay chân của A-dục. Rồi các quan tâu với vua:

“Vương tử A-dục nay đang bệnh nặng.”

Các quan trang nghiêm cho A-dục tề chỉnh rồi dẫn đến chỗ vua:

“Nay nên lập người con này làm vua. Chúng tôi từ từ sẽ lập Tu-sư-ma làm vua sau.”

Vua nghe những lời này không vui; lo lắng, buồn bực, im lặng không đáp.

Lúc ấy A-dục thầm suy nghĩ: ‘Nếu ta xứng đáng làm được ngôi vua, chư Thiên sẽ đến rưới nước trên đỉnh đầu ta, lấy lụa trắng quấn trên đầu.’

Nói vừa dứt, chư Thiên lấy nước rưới trên đỉnh đầu A-dục và lấy lụa trắng quấn lên đầu. Vua cha trông thấy cảnh tượng ấy thì vô cùng buồn bã, liền từ trần. A-dục lo việc tang lễ cho vua cha đúng theo nghi thức vương triều. A-dục kế vị xong, phong A-nậu-lâu-đà làm đại thần.

Trong khi ấy, vương tử Tu-sư-ma nghe vua cha băng hà, nay lại lập A-dục lên làm vua, sanh lòng bất bình, tập hợp binh lính kéo về đánh lại A-dục. Trong bốn cổng thành của A-dục, hai cổng có đặt hai lực sĩ. Cổng thứ ba thì đặt một đại thần. Tự mình giữ cửa Đông.

Đại thần A-nậu-lâu-đà làm con voi máy bằng gỗ và đúc tượng A-dục. Tượng A-dục cỡi voi, đặt ở ngoài cửa Đông. Lại làm hầm lửa không khói, lấy vật phủ lên. Khi Tu-sư-ma đi đến, đại thần A-nậu-lâu-đà nói với Tu-sư-ma:

“Vương tử muốn làm vua, A-dục đang ở cửa Đông, đến đó đánh thắng được ông ấy, tự nhiên được làm vua.”

Vương tử Tu-sư-ma vội vàng đi thẳng đến cửa Đông, liền bị rơi xuống hầm lửa mà chết.

Bấy giờ, có một đại lực sĩ tên là Bạt-đà-la-do-đà¹⁶ nghe Tu-sư-ma đã chết, ông đâm ra chán đời, đem tất cả quyến thuộc vào trong Phật Pháp xuất gia học đạo, gắng sức tinh tấn, chẳng bao lâu sạch các lậu, thành A-la-hán.

Vua A-dục bằng chánh pháp trị hóa dân chúng. Bấy giờ bọn quần thần cậy vào thế đưa A-dục lên ngôi nên tỏ ra khinh mạn A-dục, không tuân hành nghi lễ vua tôi. Vua biết các quan khinh lời mình, bèn bảo bá quan:

“Các người hãy chặt cây hoa trái mà trồng gai góc.”

Các quan tâu:

“Chúng tôi chưa từng thấy nghe đẹp bỏ hoa trái mà trồng gai góc, chỉ thấy đẹp bỏ gai góc mà trồng hoa trái.”

¹⁶. Bạt-đà-la-do-đà 跋陀羅由陀. Skt. Bhadrāyudha.

Cho đến, ba lần vua ra lệnh phải chặt bỏ, nhưng các quan cũng chẳng làm theo.

Bấy giờ, vua A-dục tức giận các quan đại thần, liền lấy gươm bén giết chết hết năm trăm đại thần. Lại có lúc vua đem các thể nữ ra vườn ngoài chơi đùa. Vua thấy một gốc cây Vô ưu đang trổ đầy hoa. Nghĩ hoa này cùng tên với mình, trong lòng rất hoan hỷ. Vì vua có thân hình xấu xí, da dẻ sần sùi, nên các thể nữ không yêu mến. Họ chán ghét vua, nên dùng tay bẻ gãy hết cây Vô ưu. Nhà vua nghĩ, vừa thức giấc dậy, thấy cây Vô ưu trơ trọi, hoa thì nằm ngổn ngang trên đất. Vua nổi trận lôi đình, bắt các thể nữ trói lại và đốt chết hết. Vì vua làm điều bạo ác nên gọi là Bạo ác A-dục vương¹⁷.

Lúc ấy đại thần A-nậu-lâu-đà tâu:

“Vua không nên làm những điều đó. Sao lại tự tay giết các quan và thể nữ? Bấy giờ, Đại vương nên lập ra một tên đao phủ. Ai có tội đáng chết thì giao cho người đó.”

Vua liền ra lệnh lập người đao phủ. Trong nước vua A-dục có hòn núi tên là Kỳ-lê, nơi đó có nhà người thợ dệt. Người này có một người con tên là Kỳ-lê¹⁸, tánh tình rất hung ác, hay đánh đập, bắt trói các bé trai, bé gái và bắt các sanh vật trên đất cũng như dưới nước, cho đến ngỗ nghịch với cha mẹ. Vì thế người đời đồn đại là ‘Hung ác Kỳ-lê tử’¹⁹. Bấy giờ các sứ giả của vua đến nói với nó:

“Người có thể vì vua làm đao phủ để chém những tội nhân không?”

Kỳ-lê đáp:

“Tất cả những người có tội ở Diêm-phù-đề này tôi đều có thể trừ sạch, huống chi chỉ có một xứ này!”

Các sứ giả trở về tâu vua:

“Người kia đã tìm được kẻ hung ác rồi.”

Vua ra lệnh:

“Hãy đem hắn về đây.”

Các sứ giả đi gọi nó. Nó đáp:

¹⁷. Bạo ác A-dục vương 暴惡阿育王. Skt. Caṇḍāsoka.

¹⁸. Kỳ-lê 瞿梨. Skt. Giri.

¹⁹. Hung ác Kỳ-lê tử 兇惡瞿梨子. Skt. Caṇḍa-Girika.

“Chờ một chút, để tôi từ giã cha mẹ trước đã.”

Nó nói đầy đủ những sự việc trên. Cha mẹ nó khuyên can:

“Con chớ làm việc ấy!”

Cha mẹ can ngăn ba lần, hấn sanh tâm bất nhân, giết chết cha mẹ sau đó mới đi.”

Các sứ giả hỏi:

“Sao lâu thế, không đến sớm?”

Tên hung ác ấy thuật lại đầu đuôi sự việc. Các sứ giả đem việc này tâu lại nhà vua. Vua ra lệnh cho hấn:

“Có tội nhân phạm tội đáng chết, ta giao cho người phải biết đấy.”

Hấn tâu:

“Xin vua làm nhà cho tôi.”

Vua cho xây cất nhà cửa, phòng ốc cho Kỳ-lê rất đàng hoàng, nhưng chỉ mở một cửa. Cửa cũng rất nghiêm ngặt. Bên trong ấy bày la liệt các đồ trị tội như cảnh địa ngục. Ngục ấy rất đẹp. Khi ấy tên hung ác kia tâu vua:

“Bây giờ, xin vua một điều. Nếu người nào đã vào đây rồi thì không được ra.”

Vua trả lời: .

“Ta chấp nhận như lời xin của người.”

Một hôm tên đao phủ đi vào chùa, nghe các Tỳ-kheo nói về địa ngục. Lúc ấy có Tỳ-kheo đang giảng kinh Địa ngục: ‘Có chúng sanh rơi xuống địa ngục, ngục tốt nắm lấy tội nhân ấy, dùng kiếm sắt nóng banh miệng tội nhân, nhét viên sắt nóng vào trong miệng. Kế đó sau đó lấy búa sắt cắt chặt thân thể, rồi lại lấy gông cùm, xiềng xích trói buộc thân, rồi đến xe lửa, lò than, vạc sắt, đến sông tro, kế đến núi đao, cây kiếm.’ Đầy đủ như kinh Ngũ Thiên Sứ đã nói. Tên đao phủ nghe các Tỳ-kheo nói những việc như thế, liền lập chỗ ở ấy làm những cách trị tội nhân như các Tỳ-kheo đã nói, bắt chước theo pháp này để trị tội nhân.

Một thời kia, có người lái buôn cùng với vợ đi ra trên biển. Trong lúc đang ở ngoài biển khơi thì người vợ sanh con, đặt tên là Hải²⁰. Gia

²⁰. Tên Hải 海. Skt. Samudra.

đình này sống trên mặt biển như vậy hơn mười năm, thu nhật châu báu, rồi trở về quê hương. Dọc đường họ bị năm trăm tên cướp giết chết và đoạt hết châu báu.

Bấy giờ, đứa con của người lái buôn thấy cha bị giết chết và của cải mất hết, nên sanh ra chán cái khổ của thế gian, bèn ở trong pháp của Như Lai xuất gia học đạo, rồi trở về nhà du hành qua các nước, dần dần đến ấp Ba-liên-phát.

Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, người này đắp y mang bát vào trong thành khất thực, đi lầm vào nhà tên đao phủ. Bấy giờ, Tỳ-kheo này từ xa nhìn thấy trong nhà nào là lò than, vạc dầu, xe lửa v.v... trừng trị tội nhân như ở trong ngục. Tỳ-kheo sợ hãi, lông dựng đứng, liền muốn quay ra khỏi cửa. Ngay khi ấy tên đao phủ hung ác liền đi tới nắm lấy Tỳ-kheo nói rằng:

“Ai đã vào đây rồi thì không thể ra được. Bây giờ người phải chết đây thôi.”

Tỳ-kheo nghe nói trong lòng hết sức buồn thảm, nước mắt đầm đìa. Tên đao phủ hỏi:

“Tại sao ông lại khóc lóc như trẻ con?”

Tỳ-kheo nói kệ đáp:

*Tôi không phải sợ chết.
Chỉ nguyện cầu giải thoát;
Chỗ mong cầu chưa toại,
Vì thế nên tôi khóc.
Thân người rất khó được,
Xuất gia cũng như vậy.
Gặp Thích Sư tử vương,
Từ nay không thấy nữa.*

Tên đao phủ hung ác nói với Tỳ-kheo:

“Ông nhất định phải chết, còn ưu não cái gì?”

Tỳ-kheo trả lời bằng những lời bi ai:

“Hãy cho tôi sống thời gian ngắn một tháng.”

Tên hung ác không chịu. Như vậy số ngày bớt dần lại còn bảy ngày hẵn mới bằng lòng. Tỳ-kheo kia biết sắp chết, nên dùng mãnh tinh tấn, tọa thiền nhất tâm, cuối cùng cũng không thể đắc đạo được.

Đến ngày thứ bảy, trong cung vua có cung nữ phạm tội nặng đến chết, bị đem giao cho tên đao phủ hung ác nay trị tội. Tên đao phủ đem nữ tội nhân bỏ vào cối dùng chày giã nát thân thể cô gái. Tỳ-kheo trông thấy việc đó nên rất chán ghét thân này: ‘Ôi, khổ thay chốc nữa ta cũng sẽ như vậy!’ Rồi nói kệ:

*Ôi bậc Thầy đại bi,
Diễn nói Chánh diệu pháp:
Thân này như bọt nước,
Đúng nghĩa không có thật.
Sắc gái đẹp trước kia,
Nay đây còn đâu nữa?
Sanh tử rất đáng xả,
Kẻ ngu si tham đắm.
Buộc tâm vào nơi ấy,
Nay nên thoát gông cùm;
Vượt qua biển Tam hữu,
Rốt ráo không sanh lại.
Như thế siêng phương tiện,
Chuyên tinh tu Phật pháp;
Đoạn trừ tất cả kết,
Đắc thành A-la-hán.*

Khi ấy tên đao phủ nói với Tỳ-kheo:

“Kỳ hạn đã hết.”

Tỳ-kheo hỏi:

“Tôi không hiểu điều ông nói.”

Tên đao phủ đáp:

“Trước đây người kỳ hạn bảy ngày, nay đã mãn.”

Tỳ-kheo nói kệ đáp:

*Tâm tôi được giải thoát,
Vô minh tối tăm lớn.
Đoạn trừ các hữu cái²¹,
Do giết giặc phiền não.*

²¹. Hữu cái 有蓋, đây chỉ hữu kết 有結.

*Mặt trời tuệ đã hiện,
 Soi sáng tâm ý thức;
 Rõ ràng thấy sanh tử,
 Khởi lòng thương xót người.
 Tùy thuận tu Chánh pháp,
 Nay thân thể ta đây;
 Muốn làm gì mặc ý,
 Không còn có lẫn tiếc.*

Lúc bấy giờ, tên hung ác kia bắt Tỳ-kheo bỏ vào trong vạc dầu sắt, lấy củi đun vào nhưng lửa không cháy. Dù có cháy nhưng chẳng nóng. Tên ấy thấy lửa không cháy, liền đánh đập người bị sai, rồi tự đốt lửa. Lửa bỗng cháy bùng dữ dội. Thật khá lâu, nó mở nắp vạc sắt; thấy Tỳ-kheo ấy giữa vạc dầu sôi ngồi trên hoa sen. Tên hung ác vô cùng ngạc nhiên, lạ lùng, liền đến tâu với Quốc vương. Nhà vua vội vàng sai thẳng xe ngựa, dẫn theo đám đông vô số người, đến xem Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết đã đến lúc có thể điều phục vua, liền phóng thân lên hư không như con chim nhận chúa, phô bày các thứ biến hóa. Như kệ sau đây:

*Vua thấy Tỳ-kheo này,
 Thân bay lên hư không;
 Lòng vô cùng hoan hỷ,
 Chắp tay nhìn vị Thánh:
 Nay tôi xin được nói,
 Điều không rõ trong ý:
 Hình thể không khác người,
 Thân thông chưa từng có.
 Vì tôi phân biệt nói:
 Tu tập những pháp gì;
 Khiến ngài được thanh tịnh,
 Xin vì tôi giảng rộng?
 Khiến được pháp thắng diệu,
 Tôi hiểu pháp tướng rồi;
 Sẽ làm đệ tử ngài,
 Hoàn toàn không hối tiếc.*

Tỳ-kheo kia nghĩ thầm: ‘Nay ta đã điều phục được vị vua này, cố nhiều điều cần phải hướng dẫn: Hộ trì Phật pháp, phân bố rộng rãi xá-lợi của Như Lai, đem an vui cho vô lượng chúng sanh, nơi cõi Diêm-phù-đề này, khiến mọi người đều tin Tam bảo.’ Vì nhân duyên này nên tự hiển lộ các đức kia. Tỳ-kheo hướng về vua nói kệ:

*Tôi là đệ tử Phật,
Đã được sạch các lậu;
Lại nữa, là con Phật,
Không đắm tất cả hữu.
Nay tôi đã điều phục,
Đấng Lương Túc Vô Thượng;
Tâm tịnh chỉ, tịch tịnh,
Mối sợ lớn sanh tử.
Nay tôi đều được thoát,
Trọn lìa được ba cõi;
Trong Thánh pháp Như Lai,
Được lợi ích như vậy.*

Vua A-dục nghe Tỳ-kheo nói như vậy, khởi lòng tin kính Phật vô hạn. Vua lại thưa:

“Lúc Phật chưa diệt độ, Ngài đã huyền ký điều gì?”

Tỳ-kheo đáp:

“Phật huyền ký Đại vương: ‘Sau khi Phật diệt độ khoảng một trăm năm, tại thành Ba-liên-phất, có ba ức nhà. Nước ấy có vua tên A-dục, sẽ làm vua cõi Diêm-phù-đề này, làm Chuyển luân vương, dùng Chánh pháp cai trị giáo hóa và lại phân bố xá-lợi Ngài khắp Diêm-phù-đề, dựng tám vạn bốn ngàn tháp. Phật đã huyền ký Đại vương như vậy. Nhưng ngày nay Đại vương tạo ra địa ngục lớn này, giết hại vô lượng nhân dân. Bây giờ, vua nên mở lòng thương xót nghĩ đến tất cả chúng sanh, ban bố sự không sợ hãi, khiến họ an ổn. Như lời Phật huyền ký Đại vương, Đại vương nên như pháp tu hành.’”

Và Tỳ-kheo nói kệ:

*Nên thực hành từ tâm,
Chớ não hại chúng sanh;*

*Nên tu tập Phật pháp,
Rộng phân bố xá-lợi.*

Bấy giờ, A-dục vô cùng kính tin Phật, chấp tay làm lễ Tỳ-kheo:

“Tôi phạm tội lớn, nay đối trước Tỳ-kheo xin sám hối. Những việc làm của tôi thật sự không thể tha thứ được. Nay nguyện làm Phật tử. Hãy nhận sự sám hối của tôi. Mong hỷ xả, chớ quở trách. Tôi là kẻ ngu si, nay lại quy y.”

Và vua nói kệ:

*Tôi nay quy y Phật,
Pháp thắng diệu vô thượng;
Chúng Tỳ-kheo tôn kính;
Nay tôi trọn quy mạng.
Nay tôi phải dưng mãi,
Vâng lời Thế Tôn dạy;
Nơi Diêm-phù-đề này,
Dựng khắp các tháp Phật.
Cúng dường đủ các thứ,
Treo lụa và tràng phan;
Trang nghiêm tháp Thế Tôn,
Tráng lệ đời ít có.*

Tỳ-kheo độ A-dục xong, liền nường nơi hư không mà hóa. Nhà vua từ ngục mà ra, tên đao phủ tâu vua:

“Vua không đi được.”

Vua hỏi:

“Nay người muốn giết ta sao?”

Đáp:

“Đúng vậy.”

Vua nói:

“Ai là người đầu tiên vào ngục này?”

“Chính tôi.”

“Nếu như vậy, thì người đáng chết trước.”

Vua ra lệnh đem tên hung ác này bỏ vào nhà có bôi keo, lấy lửa đốt cháy. Rồi ra lệnh phá hoại địa ngục này, ban sự không sợ hãi cho chúng sanh.

Bấy giờ, vua muốn xây tháp xá-lợi, đem bốn binh chủng đến thành Vương xá lấy xá-lợi trong tháp Phật của vua A-xà-thế, rồi trở về sửa sang tháp này giống như trước không khác. Như vậy, A-dục đã lấy xá-lợi từ bảy tháp Phật. Sau đó lại đưa đến thôn La-ma-la²². Rồi, các Long vương đưa vua vào Long cung. Vua đòi vua Rông cúng dường xá-lợi. Long vương liền trao cho vua. Vua ra khỏi Long cung. Như bài kệ nói:

*Trong thôn La-ma-la,
Nơi đó có tháp Phật;
Do Long vương thờ phụng,
Giữ gìn và cúng dường.
Vua đòi vua Rông chia,
Các rông sẵn lòng cho;
Vua cầm xá-lợi này,
Đem đến các phương khác.*

Vua làm tám muôn bốn ngàn hộp bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê để đựng xá-lợi Phật. Lại làm tám muôn bốn ngàn bình tứ bảo để chứa các ngàn hộp này. Rồi làm vô lượng trăm ngàn tràng phan, tàn lông lụa trắng, khiến cho các quý thần mỗi vị cầm giữ đồ vật cúng dường xá-lợi. Vua lại ra lệnh cho các quý thần rằng: ‘Diêm-phù-đề cho đến làng, xóm, thành ấp, ven biển, đầy một ức nhà, hãy lập tháp Xá-lợi để thờ Thế Tôn.’

Đương thời có nước tên là Đức²³-xoa-thi-la có ba mươi sáu ức nhà. Người nước ấy nói với quý thần: ‘Hãy cho chúng tôi ba mươi sáu hộp xá-lợi. Chúng tôi sẽ dựng tháp Phật.’ Vua làm phương tiện: nước nào ít dân, chia thêm cho đủ số dân mà dựng tháp.

Bấy giờ, tại ấp Ba-liên-phát có Thượng tọa tên Da-xá. Vua đi đến chỗ Thượng tọa thưa:

“Tôi muốn một ngày dựng tám vạn bốn ngàn tháp khắp cả Diêm-

²². La-ma-la thôn 羅摩羅村. Skt. Rāmagāma. Pāli: Rāmagāma, tên làng của người Koliya, nhận được một phần, trong tám phần xá-lợi của Phật. (D.ii.107). Về sau, bị cơn lũ, tháp xá-lợi bị cuốn đi. Long vương Mahākāla nhận được bình xá-lợi, đem về thờ ở Mañjērīka. Mhv.xxxi.187f.

²³. Đức 德, bản Cao-ly chép là trước 著. Về Đức-xoa-thi-loa, xem cht.15.

phù-đề. Ý nguyện như vậy.”

Như kệ tán thán:

*Đại vương tên A-dục,
Từ tám ngôi tháp trước,
Lấy ra xá-lợi Phật
Nơi Diêm-phù-đề này.
Xây dựng các tháp Phật,
Tám muôn và bốn ngàn;
Rộng rãi và thẳng diệu,
Một ngày đều hoàn tất.*

Thượng tọa nói với vua:

“Lành thay, Đại vương! Ấn định mười lăm ngày sau, khi nguyệt thực²⁴ cho xây các tháp Phật cõi Diêm-phù-đề.”

Như vậy chỉ trong một ngày, dựng tám muôn bốn ngàn tháp. Nhân dân thế gian vui mừng vô hạn cùng gọi là ‘Pháp A-dục vương’²⁵. Tán thán như bài kệ sau:

*Vua dòng thánh Khổng Tước,
An vui người thế gian.
Nơi Diêm-phù-đề này,
Kiến lập pháp thẳng diệu.
Trước gọi là Ác vương,
Nay tạo nghiệp tốt lành;
Cùng xưng gọi Pháp vương,
Tương truyền mãi về sau.*

Vua đã dựng tám muôn bốn ngàn tháp, nên lấy làm phấn khởi, vui mừng, đem các quần thần đi đến tinh xá Kê tước²⁶. Vua thưa với Thượng tọa Da-xá:

“Có Tỳ-kheo nào được Phật thọ ký sẽ làm Phật sự chăng? Tôi sẽ

²⁴. Nguyệt thực, các bản chép 食. Chính xác là 蝕. A-dục vương truyện: Da-xá sau đó lấy tay che mặt trời, để cho vua được toại nguyện, là dựng tháp trong một ngày.

²⁵. Pháp A-dục vương 法阿育王. Skt. Dharmāsoka.

²⁶. Kê tước tinh xá 鷄雀精舍. Skt. Kurukṣāra. Pāli: Kuruṭārāma, tinh xá ở Pāṭiliputta, có từ thời Phật.

đi đến Tỳ-kheo ấy cúng dường cung kính.”

Thượng tọa Da-xá đáp:

“Lúc Phật sắp Niết-bàn, hàng phục Long vương A-ba-la²⁷, thợ gốm Chiên-đà-la²⁸, rông Cù-ba-lê²⁹, đi đến nước Ma-thâu-la³⁰, Phật bảo Tôn giả A-nan: ‘Sau khi Ta nhập Niết-bàn khoảng một trăm năm có trưởng giả tên là Cù-đa³¹ có con tên là Ưu-ba-quật-đa³² sẽ xuất gia học đạo, bằng Vô tướng Phật³³ mà dạy dỗ người, là bậc nhất, sẽ làm Phật sự.’ Phật bảo A-nan: ‘Có thấy núi xa kia chăng?’ A-nan bạch: ‘Bạch Thế Tôn, thấy.’ Phật bảo A-nan: ‘Núi này tên là Ưu-lưu-mạn-trà³⁴, đó là chỗ A-lan-nhã gọi là Na-trà-bà-đê³⁵, phù hợp với sự tịch tĩnh.’ Phật nói kệ ca ngợi:

*Tỳ-kheo Ưu-ba-quật,
Vị Giáo thọ bậc nhất;
Tiếng đồn khắp bốn phương,
Được thọ ký tối thắng.
Sau khi Ta diệt độ,
Sẽ làm các Phật sự;
Độ tất cả chúng sanh,
Số lượng nhiều vô hạn.”*

Nhà vua hỏi Thượng tọa Da-xá:

“Tôn giả Ưu-ba-quật nay đã ra đời chưa?”

Thượng tọa đáp:

“Vị ấy đã ra đời và xuất gia học đạo, hàng phục phiền não, là A-la-hán cùng với vô lượng Tỳ-kheo quyến thuộc một muôn tám ngàn đang trú tại A-lan-nhã ở núi Ưu-lưu-mạn-trà. Vì thương xót chúng

27. A-ba-la long vương 阿巴羅龍王. Skt. Apalāla.

28. Đào sư Chiên-đà-la 陶師旃陀羅. Skt. Caṇḍali Kumbhakāla.

29. Cù-ba-lê 瞿波梨. Skt. Gopāli.

30. Ma-thâu-la quốc 摩偷羅國. Skt. Mathurā.

31. Cù-đa 瞿多. Skt. Gupta.

32. Ưu-ba-quật-đa 優波崛多. Skt. Upagupta.

33. A-dục vương truyện: “tuy không có tướng tốt”.

34. Ưu-lưu-mạn-trà 優留曼荼. Skt. Urumuṇḍa.

35. Na-trà-bà-đê 那茶婆低. Skt. Naṭabhaṭikā.

sanh, nên nói pháp tịnh diệu như Phật, hóa độ vô lượng trời, người khiến cho được vào thành cam lộ.”

Nhà vua nghe xong vui mừng khôn xiết. Tức thì ra lệnh cho quần thần nhanh chóng sửa soạn xe cộ, đưa vô lượng quyến thuộc đến nơi ấy, để cung kính cúng dường Ưu-ba-quật-đa.

Bấy giờ, các quan tâu với vua rằng:

“Vị Thánh này đang ở tại nước của vua. Nên sai tín sứ rước vị ấy. Vị ấy sẽ tự mình đến.”

Vua trả lời các quan:

“Không nên sai tín sứ đến nơi ấy. Ta nên tự đến, không nên để vị ấy tới đây.”

Và vua nói kệ:

*Người được lưỡi Kim cang,
Vẫn không thể phá vỡ,
Ngăn ta đến nơi kia,
Gần gũi người nhà nông³⁶.”*

Vua sai tín sứ đến báo Tôn giả: ‘Ngày nào đó, vua sẽ đến chỗ Tôn giả.’

Tôn giả suy nghĩ: ‘Nếu vua đến sẽ có rất đông người đi theo, chịu bao khổ sở, lại bức bách sát hại côn trùng và hại nhân dân làng xóm.’ Suy nghĩ xong, Tôn giả trả lời sứ giả rằng:

“Tôi sẽ tự đi đến cung vua.”

Khi vua nghe Tôn giả tự đến, vui mừng sung sướng vô hạn. Từ Ma-thâu-la đến Ba-liên-phát, ở khoảng giữa hai nơi, vua cho đặt thuyền bè, trên thuyền treo phướn lọng. Tôn giả Ưu-ba-quật, vì thương xót vua nên đem chúng A-la-hán một muôn tám ngàn vị theo đường thủy đến vương quốc. Bấy giờ, người trong nước tâu vua:

“Tôn giả Ưu-ba-quật đem một muôn tám ngàn Tỳ-kheo đến đây rồi.”

Vua sung sướng mừng rỡ khôn xiết, vội cởi chuỗi ngọc giá trị ngàn vàng trao cho họ. Rồi vua cùng các đại thần, quyến thuộc đi đến chỗ Tôn giả, cởi bỏ hành lý, năm vóc sát đất, làm lễ trước Tôn giả, quỳ

³⁶. A-dục vương truyện: “Ta chưa được tâm Kim cang; đâu có thể bắt người như Phật khuất phục mình”.

gối chấp tay thưa rằng:

“Tôi nay thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này, tuy ngồi ở ngôi vua mà không lấy làm vui. Hôm nay thấy được Tôn giả, vui mừng khôn xiết. Đệ tử của Như Lai mới có thể như vậy, thấy Tôn giả như thấy được Phật.”

Và vua nói kệ:

*“Tịch diệt, đã qua đời,
Nay ngài làm Phật sự.
Dứt ngu si thế gian,
Như mặt trời Phật chiếu.
Vì đời làm Đạo sư,
Bậc thuyết pháp đệ nhất;
Chúng sanh đáng nương cậy,
Nay tôi rất hoan hỷ.”*

Nhà vua ra lệnh cho sứ giả loan báo khắp nước rằng:

“Tôn giả Ưu-ba-quật ngày nay đến nước này.”

Bèn xướng lên rằng:

*“Ai muốn được giàu sang,
Xa lìa khổ bần cùng;
Thường được vui cõi trời;
Ai giải thoát Niết-bàn.
Nên gặp Ưu-ba-quật,
Cung kính và cúng dường.
Ai chưa thấy chư Phật,
Nay thấy Ưu-ba-quật.”*

Bấy giờ, nhà vua chỉnh trang bờ cõi, đắp đường bằng phẳng, treo lụa, phan, lọng, xông hương, rải hoa, tấu nhạc. Nhân dân cả nước đều ra ngoài nghinh đón Tôn giả Ưu-ba-quật để cúng dường cung kính.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-quật tâu vua:

“Tâu Đại vương, ngài nên đem chánh pháp cai trị, giáo hóa, thương xót chúng sanh. Vì Tam bảo khó gặp, nên đối với Tam bảo cúng dường, cung kính, tu niệm và khen ngợi, vì người giảng nói rộng. Vì sao? Vì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, thường huyền ký rằng: ‘Chánh pháp của Ta được ký thác nơi Quốc

vương và Tỳ-kheo Tăng của ta'."

Và Tôn giả nói kệ:

*"Bậc Thế Hùng tôn kính,
Chánh pháp rất thắng diệu;
Ký thác nơi Đại vương,
Cùng với Tỳ-kheo Tăng."*

Nhà vua thưa với Tôn giả Ưu-ba-quật:

"Tôi đã dựng lập Chánh pháp."

Và vua nói kệ:

*"Tôi đã tạo các tháp,
Trang nghiêm các bờ cõi;
Khởi cúng dường mọi thứ,
Phan, lọng cùng trân bảo.
Phân bố xá-lợi Phật,
Khắp cả Diêm-phù-đề;
Tôi tạo các phước này,
Ý nguyện đã trọn vẹn.
Chính mình và vợ con,
Trân bảo và đất đai;
Nay đều xả thí hết,
Cúng dường tháp Hiền thánh."*

Tôn giả Ưu-ba-quật khen ngợi vua:

"Lành thay! Lành thay, Đại vương nên thực hành pháp như vậy."

Tôn giả nói kệ:

*"Xả thân mạng của cải,
Đời đời không lo âu;
Được phước lành vô cùng,
Ắt được Vô thượng giác."*

Vua thỉnh Tôn giả Ưu-ba-quật vào thành, rồi sửa soạn chỗ ngồi các loại, mời Tôn giả an tọa. Còn chúng Tăng được mời đến tinh xá Kê tước. Vua thưa Tôn giả rằng:

"Tôn giả dung mạo đẹp đẽ, thân thể mềm mại, còn tôi hình thù xấu xí, da dẻ sần sùi."

Tôn giả nói kệ:

*“Lúc tôi hành bố thí,
Tâm tịnh, tài vật tốt;
Không bằng vua bố thí,
Đem cát cúng dường Phật.”*

Vua nói kệ đáp:

*“Khi trăm còn trẻ thơ,
Cúng dường Phật nắm cát;
Nay được quả như vậy,
Huống chi thí vật tốt.”*

Tôn giả nói kệ khen:

*“Khoái thay! Thiện Đại vương,
Cúng dường nắm đất cát;
Trong ruộng phước Vô thượng,
Vun trồng quả vô tận.”*

Bấy giờ, vua A-dục bảo các đại thần:

“Ta nhờ lấy nắm cát cúng dường Phật được quả báo như vậy; làm sao mà chẳng tin kính đối với Thế Tôn?”

Vua lại thưa với Tôn giả:

“Tôn giả chỉ cho tôi chỗ Phật nói pháp, những nơi Phật du hành, nên đến cúng dường lễ bái, vì các chúng sanh đời sau nhiếp thọ các căn lành.”

Và rồi nói kệ:

*“Chỉ cho tôi Pháp Phật,
Các nước và trú xứ;
Cúng dường và tin kính,
Vì chúng sanh đời sau..”*

Tôn giả nói:

“Lành thay! Lành thay Đại vương, có thể phát diệu nguyện, tôi sẽ chỉ cho Đại vương nơi chỗ, để vì chúng sanh đời sau.”

Bấy giờ, vua đem bốn loại binh chủng và các thứ cúng dường hương hoa, tràng phan và kỹ nhạc, đem luôn Tôn giả khởi hành đến

rừng Long tần³⁷, chỉ đây là chỗ Như Lai đản sanh. Và Tôn giả nói kệ:

*“Nơi Như Lai đản sanh,
 Khi sanh đi bảy bước;
 Xoay nhìn khắp bốn phương,
 Đưa tay chỉ lên trời:
 Nay Ta sanh lần cuối,
 Sẽ đắc đạo Vô thượng;
 Trên Trời và cõi Người,
 Ta là Vô Thượng Tôn.”*

Bấy giờ, nhà vua nắm vóc sát đất, cúng dường lễ bái, liền dựng tháp Phật. Tôn giả tâu vua:

“Đại vương muốn thấy chư Thiên, thấy chỗ Đức Phật khi đản sanh đi bảy bước không?”

Nhà vua thưa:

“Rất muốn được thấy.”

Tôn giả đưa tay chỉ cành cây mà Ma-da Phu nhân đã vịn vào, Tôn giả bảo thần cây:

“Thọ thần, nay hãy hiện ra, để vua được thấy, sanh đại hoan hỷ.”

Vừa dứt tiếng, liền thấy thọ thần đứng bên Tôn giả nói rằng:

“Ngài dạy điều gì tôi sẽ vâng theo.”

Tôn giả nói với vua:

“Vị thần này đã thấy Phật lúc sanh.”

Vua nói kệ hỏi thần:

*“Ngài thấy thân trang nghiêm,
 Lúc sanh có hoa sen,
 Chân bước đi bảy bước,
 Miệng cất lên tiếng nói.”*

Thần đáp lại bằng bài kệ:

*“Tôi thấy thân tốt đẹp,
 Đấng Thế Tôn mới sanh,
 Chân bước đi bảy bước,*

³⁷. Long tần lâm 隆 頻 林, tức vườn Lâm-tỳ-ni. Skt. Lumbini.

*Miệng cất lên tiếng nói,
‘Ở trong trời và người,
Ta là Vô Thượng Tôn’.*

Vua hỏi thần:

“Khi Phật sanh có điềm lành gì?”

Thần đáp:

“Tôi không thể nói những việc quá mầu nhiệm. Nay lược nói phần ít:

*Ánh sáng soi chiếu suốt,
Thân thể đủ tướng đẹp,
Khiến người vui mừng thấy,
Cảm động đến đất trời.”*

Vua nghe thần nói, vui mừng ban cho thần mười muôn lượng trân bảo rồi đi. Tôn giả Ưu-ba-quật lại đưa vua vào trong thành nói.

“Nơi này Bồ-tát hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân sắc vàng trang nghiêm sáng chói.”

Nhà vua liền hướng về nơi ấy làm lễ và cúng dường các thứ. Tôn giả lại đưa vua đến trong Thiên tự, bảo vua:

“Lúc Thái tử sanh ra được đưa đến vị thần ở Thiên tự kia lễ bái. Nhưng bấy giờ các thần đó đều lễ bái Bồ-tát. Khi đó, nhân dân mới lập danh Bồ-tát, rằng đó là Trời trên các Trời. Vua lại đem các thứ cúng dường.”

Tôn giả lại đưa vua đến chỉ chỗ và nói:

“Nơi đây vua cha đem Bồ-tát đến các chỗ cho các Bà-la-môn, bảo đoán xem tướng của Ngài.”

Vua lại cúng dường đủ thứ. Lại chỉ cho vua chỗ này là nhà học của Bồ-tát, chỗ này học cỡi voi, chỗ này học cỡi ngựa, cỡi xe, bắn cung, chỗ này Bồ-tát học các kỹ thuật, chỗ này Bồ-tát rèn luyện thân, chỗ này là nơi dạy chơi của sáu muôn phu nhân của Bồ-tát. Chỗ này Bồ-tát thấy người già, bệnh, chết, chỗ này Bồ-tát ngồi dưới cây Diêm-phù-đề, ngồi thiền đắc ly dục, bóng cây chẳng rời thân, phụ vương hướng về đó làm lễ. Chỗ này Bồ-tát đem trăm ngàn thiên thân ra khỏi thành và đi; chỗ này Bồ-tát cỡi chuỗi ngọc trao cho Xa-nặc, sai đem ngựa trở về nước và nói kệ:

*Bồ-tát ở nơi này,
Cởi chuỗi ngọc và mũ,
Trao cho chàng Xa-nặc,
Giục ngựa trở về nước,
Đi một mình không bạn,
Ngài vào núi học đạo.*

Lại chỗ này Bồ-tát đổi lấy áo ca-sa của thợ săn, khoác áo này rồi xuất gia, chỗ này là chỗ chư Tiên nhân cung thỉnh Ngài, chỗ này là chỗ vua Bình-sa muốn chia cho Bồ-tát một nửa nước, chỗ này Bồ-tát hỏi đạo nơi Tiên nhân Ưu-lam-phất, chỗ này Bồ-tát sáu năm khổ hạnh. Như kệ nói:

*Khổ hạnh trong sáu năm,
Chịu khổ nào cùng cực,
Biết không phải chân đạo,
Liên bỏ hạnh tu đó.*

Chỗ này hai người nữ dâng sữa cúng Bồ-tát. Như kệ nói:

*Đại Thánh ở nơi đây,
Nhận sữa hai người nữ,
Từ đây đứng lên đi,
Đi đến cây Bồ-đề.*

Chỗ này rồng Ca-lê³⁸ khen ngợi Bồ-tát. Như kệ nói:

*Nơi này rồng Ca-lê
Khen ngợi đức Bồ-tát,
Nên theo đạo thời cổ,
Chúng diệp quả Vô thượng.*

“Vua hưởng về Tôn giả và nói kệ:

*Nay tôi muốn thấy rồng,
Rồng kia đã thấy Phật,
Từ đây đến Bồ-tát,
Chúng đắc quả thắng diệp.*

³⁸. Ca-lê long 迦梨龍 . Pāli: Kāḷa hay Mahākāḷa. Khi Phật liệng bát sữa xuống sông Ni-liên thiên, Long vương đang ở dưới đó. Ông cùng các Long nữ hiện lên ca ngợi Phật. J.i.70,72. Mhv.v.87; Sp.i.43.

Tôn giả lấy tay chỉ Long vương bảo:
 “Này Long vương Ca-lê, ông đã thấy Phật, nay nên hiện thân.”
 Long vương nghe tiếng liền xuất hiện, đứng trước Tôn giả, chấp
 tay thưa:

“Thưa Tôn giả có điều gì chỉ đây?”

Tôn giả nói với vua:

“Long vương này thấy Phật, khen ngợi Như Lai.”
 Vua chấp tay hướng về Long vương nói kệ:

“Ngài thấy thân Kim cương,
 Thấy tôi, Bắc Vô Thùng,
 Mặt như trăng sáng đầy,
 Xin nói oai đức ngài,
 Công đức của mười lực,
 Lúc ngài đến đạo tràng.”

Long vương đáp lại:

“Nay tôi sẽ diễn nói,
 Lúc chân đạp trên đất,
 Cõi đất sâu chấn động,
 Ánh sáng nơi mặt trời,
 Chiếu khắp ba ngàn cõi,
 Đi đến cây Bồ-đề.”

Bây giờ nhà vua ở các nơi ấy cũng dường các thứ và đứng thắp
 miếu. Kê đó Tôn giả đưa vua đến cội cây nơi Phật thành đạo, bảo vua
 rằng:

“Tài cây này, Đại Bồ-tát do sức tam-muội phá quân ma, đặc vô
 thường Chánh đẳng Chánh giác.”

Tôn giả nói kệ:

“Mâu-ni Ngưu Vương Tôn,
 Ở cây Bồ-đề này,
 Hàng phục quân ma ác,
 Được thăng quả Bồ-đề,
 Đang kinh trong trời, người,
 Chẳng có ai sánh bằng.”

Vua cũng dường vô lượng trần bảo và các thứ, cũng đứng thắp

miếu lớn. Chỗ này, Tứ thiên vương mỗi vị ôm một cái bát, đem dâng cúng Phật, hợp lại thành một bát. Chỗ này là chỗ Như Lai nhận những bữa ăn cúng dường của anh em khách buôn. Chỗ này khi Như Lai đến nước Ba-la-nại, có ngoại đạo A-thời-bà³⁹ hỏi Phật. Chỗ này là vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ. Như Lai ở trong đó, vì năm vị Tỳ-kheo ba lần chuyển Pháp luân mười hai hành.

Tôn giả nói kệ:

*“Nơi đây vườn Lộc dã,
Như Lai chuyển pháp luân;
Ba chuyển mười hai hành,
Năm người được dẫu đạo.”*

Nhà vua cúng dường nơi này đủ thứ và xây dựng tháp miếu. Chỗ này Như Lai hóa độ tiên nhân Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp⁴⁰. Chỗ này Như Lai nói pháp cho vua Bình-sa⁴¹, vua thấy được chân lý cùng với vô lượng nhân dân, chư Thiên đắc đạo. Chỗ này Như Lai nói pháp cho Thiên đế Thích. Đế Thích cùng với tám muôn chư Thiên đắc đạo. Chỗ này Như Lai thị hiện thần lực, biến hóa các thứ. Chỗ này Như Lai lên trời vì mẹ thuyết pháp, dẫn theo vô lượng Thiên chúng xuống nhân gian. Vua lại cúng dường các thứ và cho xây dựng tháp miếu.

Tôn giả bảo vua A-dục:

“Đến nước Cưu-thi-la-kiệt⁴², nơi đây Như Lai làm xong đầy đủ Phật sự, nhập Vô dư Niết-bàn.”

Tôn giả nói kệ:

*“Độ thoát các Trời, Người,
Rồng, Tu-la, Dạ-xoa;
Kiến lập pháp vô tận,
Phật sự đã hoàn tất.
Nơi hữu được tịch diệt,
Đại bi vào Niết-bàn;*

³⁹. A-thời-bà 阿時婆. Skt. Ājivika, tà mạng ngoại đạo.

⁴⁰. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp 優樓頻螺迦葉. Skt. Uruvilvā-Kāśyapa.

⁴¹. Bình-sa vương 瓶沙王, hay Tần-bà-sa-la. Skt. Bimbisāra.

⁴². Cưu-thi-na-kiệt quốc 鳩尸那竭國. Skt. Kusinagara.

*Như củi hết lửa tắt;
Rốt ráo được thường trụ.”*

Vua nghe những lời này buồn bã, đau xót đến ngất xỉu trên đất. Bấy giờ các quan lấy nước rửa mặt cho vua. Một hồi lâu tỉnh lại, bật khóc, nước mắt ràn rụa. Sau đó vua cúng dường đủ thứ và cho xây dựng tháp miếu lớn.

Vua thưa Tôn giả:

“Ý nguyện tôi muốn được thấy các Đại đệ tử của Phật được thọ ký, muốn cúng dường xá-lợi các ngài. Xin Tôn giả chỉ cho!”

Tôn giả nói với vua:

“Lành thay! Lành thay Đại vương đã phát được diệu tâm như vậy.”

Tôn giả đem vua đến nước Xá-vệ vào tinh xá Kỳ-hoàn, đưa tay chỉ tháp:

“Đây là tháp của Tôn giả Xá-lợi-phất, vua nên cúng dường.”

Vua nói:

“Vị này có công đức gì?”

Tôn giả đáp:

“Đây là vị Pháp vương thứ nhì, tùy thuận chuyển pháp luân.”

Và Tôn giả nói kệ:

*“Trí tất cả chúng sanh,
Sánh với Xá-lợi-phất,
Bằng một phần mười sáu;
Trừ trí của Như Lai.
Như Lai chuyển pháp luân,
Ngài có thể tùy chuyển;
Ngài có vô lượng đức,
Ai có thể nói hết!”*

Nhà vua vui mừng vô hạn, bỏ ra mười muôn lượng trân bảo cúng dường tháp Xá-lợi-phất và nói kệ:

*“Con lạy Xá-lợi-phất,
Giải thoát mọi sợ hãi;
Danh đồn khắp thế gian,
Trí tuệ không ai bằng.”*

Kế đến, Tôn giả chỉ cho vua tháp Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Vua muốn cúng dường tháp này nên hỏi:

“Vị này có công đức gì?”

Tôn giả đáp:

“Vị này Thần túc bậc nhất. Lấy ngón chân ấn trên đất, đất liền chấn động, đến Long cung, hàng phục Long vương Nan-đà, Bạt-nan-đà⁴³.”

Và Tôn giả nói kệ:

*“Ấn ngón chân động đất,
Đến tận cung Đế Thích;
Thần túc không ai bằng,
Ai có thể nói hết?
Hai vua rồng hung bạo,
Trông thấy đều sợ hãi;
Với sức thần túc kia,
Hàng phục hết sân nhuế.”*

Bấy giờ, vua cúng dường tháp mười muôn lượng trân bảo và nói kệ khen:

*“Bậc Thần túc đệ nhất,
Lìa khỏi già, bệnh, chết;
Có công đức như vậy,
Nay lễ Mục-kiền-liên.”*

Kế đến, Tôn giả chỉ tháp Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, nói với vua:

“Đây là tháp Ma-ha Ca-diếp, vua nên cúng dường.”

Vua hỏi:

“Vị này có công đức gì?”

Tôn giả đáp:

“Tôn giả này ít muốn, biết đủ, Đâu-đà bậc nhất, được Như Lai chia cho nửa tòa và y Tăng-già-lê. Tôn giả ấy thương xót chúng sanh, hưng lập Chánh pháp.”

Tôn giả nói kệ:

⁴³. Nan-đà Bạt-nan-đà 難陀跋難陀. Skt. Nandopananda.

*“Ruộng công đức bậc nhất,
Thương xót loài bản cùng;
Khoác Tăng-già-lê Phật,
Xây dựng nên Chánh pháp.
Tôn giả có đức lớn,
Ai có thể nói hết?”*

Vua lại cúng dường mười muôn lượng trân bảo và nói kệ khen ngợi:

*“Thường ưa thích tịch tịnh,
Nương nấu nơi rừng rậm;
Ít muốn, biết đủ, giàu.
Nay lễ Đại Ca-diếp.”*

Kế đến, Tôn giả lại chỉ tháp của Tôn giả Bạc-câu-la và nói với vua:

“Đây là tháp của Bạc-câu-la, vua nên cúng dường.”

Vua hỏi:

“Vị này có công đức gì?”

Tôn giả đáp:

“Tôn giả ấy được Bạc nhất không bệnh, cho đến, chẳng nói cho ai được một câu pháp, lặng lẽ không lời.”

Vua bảo:

“Dem một tiền cúng dường.”

Các quan tâu vua:

“Công đức như nhau vì sao nơi đây cúng một tiền?”

Vua bảo:

“Hãy nghe tôi nói,

*Tuy trừ si, vô minh,
Trí tuệ hay soi xét,
Tuy có tên Bạc-câu,
Có ích gì cho đời?”*

Bấy giờ, đồng tiền kia trở về lại chỗ vua. Các đại thần trông thấy, cho là việc lạ lùng hiếm có. Tất cả đồng lên tiếng khen ngợi:

“Ôi! Tôn giả! Ngài ít muốn, biết đủ, đến nỗi chẳng cần một đồng tiền.”

Tôn giả lại chỉ tháp của Tôn giả A-nan, nói với vua:

“Đây là tháp của Tôn giả A-nan, nên cúng dường.”

Vua hỏi:

“Tôn giả A-nan có công đức gì?”

“Tôn giả này là thị giả của Phật, Đa văn bậc nhất, kết tập kinh Phật.”

Và nói kệ:

*“Giữ gìn bát Như Lai,
Giỏi nhớ, hay quyết đoán,
Học rộng như biển lớn,
Biện tài tiếng dội dàng,
Làm vui lòng trời, người,
Khéo biết tâm chư Phật,
Tất cả điều sáng tỏ,
Là rương báu công đức,
Được khen ngợi tối thắng,
Hàng phục phiền não tránh,
Những công đức như thế,
Xứng đáng nên cúng dường.”*

Vua liền cúng dường một trăm ức lượng trân bảo. Các quan tâu vua:

“Vì sao ở đây bệ hạ lại cúng dường nhiều hơn những nơi trước?”

Vua đáp:

“Hãy nghe tôi nói lý do trong tâm của mình:

*Thân thể của Như Lai,
Pháp thân tánh thanh tịnh,
Vị này hay vâng giữ,
Vì thế cúng dường hơn.
Đèn Pháp còn ở đời,
Dứt lòng si tối này,
Đều nhờ nơi Tôn giả;
Vì thế cúng dường hơn.
Như nước trong biển lớn,
Dấu chân trâu không chứa;*

*Như biển trí của Phật,
 Người khác khó phụng trì.
 Duy Tôn giả A-nan,
 Nghe qua đều nhớ hết,
 Không khi nào quên mất;
 Vì thế cúng dường hơn.*

Khi vua cúng dường các thứ như thế xong, vua hướng về Tôn giả Ưu-ba-quật chấp tay và nói kệ:

*“Nay tôi mang thân này,
 Chẳng còn phụ thân này,
 Tu vô lượng công đức,
 Nay làm Vua loài người,
 Tôi đem lòng kiên thật,
 Tạo lập các tháp miếu,
 Trang nghiêm nơi thế gian,
 Như sao làm đẹp trăng.
 Vâng pháp đệ tử Phật,
 Thực hành các lễ tiết,
 Nay tôi đã làm hết,
 Cúi đầu trước Tôn giả.
 Nhờ ân lực Tôn giả,
 Nay thấy việc thắng diệu,
 Chóng được lợi lành lớn,
 Nhờ đây phân biệt pháp.”*

Vua cúng dường như trên và thường đi đến Bồ-đề đạo tràng. Dưới cây này, Như Lai đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bằng sự cúng dường trân bảo hiếm có trong thế gian, vua cúng dường cây Bồ-đề. Lúc ấy, phu nhân của vua tên là Đề-xá-la-hy-đa⁴⁴, phu nhân nghĩ rằng: ‘Vua yêu ta và ta cũng hết sức yêu vua. Ngày nay vua bỏ ta đi, đem châu báu đến chỗ cây Bồ-đề. Bấy giờ, ta sẽ làm cách chết cây Bồ-đề này. Khi cây đã chết khô, lá tàn rụng, vua sẽ không đến nữa, ngài sẽ cùng ta vui vầy.’ Phu nhân lại gọi Chú sư đến, bảo Chú sư bảo rằng:

⁴⁴. Đề-xá-la-hy-đa 低舍羅締多. Skt. Tiṣyarakṣitā.

“Người có thể làm chết cây Bồ-đề này không?”

Chú sư đáp:

“Có thể, cho tôi một ngàn lượng vàng.”

Phu nhân liền trao cho người ấy một ngàn lượng tiền vàng. Chú sư đến cây Bồ-đề, dùng câu chú niệm chú nơi cây và lấy giải lụa buộc cây lại. Cây dần dần chết khô, lá úa tàn rụng. Cây chưa chết hẳn, lá xơ xác rơi rụng. Chú sư tâu phu nhân:

“Phải lấy sữa nóng rưới lên cây mới có thể làm cho cây khô.”

Phu nhân tâu vua:

“Tôi muốn đem sữa đến cúng dường cây Bồ-đề.”

Vua đáp:

“Tùy ý khanh chẳng?”

Như thế, cho đến, lấy sữa nóng rưới lên cây Bồ-đề, cây bị khô héo. Các phu nhân tâu vua:

“Cây Bồ-đề bỗng nhiên chết khô, lá úa tàn rụng!”

Và họ nói kệ:

*Cây Như Lai y cứ,
Gọi là cây Bồ-đề,
Tại đó thành Chánh giác,
Đầy đủ nhất thiết trí.
Nay Đại vương nên biết,
Cây này đang khô chết,
Sắc lá cũng biến khác,
Chẳng biết vì cơ sao?*

Nhà vua nghe lời này, liền ngất xỉu trên đất. Đám quần thần lấy nước rải lên mặt vua, một hồi lâu vua mới tỉnh lại, rơi nước mắt rồi bảo:

*Ta thấy cây Bồ-đề,
Như là thấy Như Lai,
Nay nghe cây này chết,
Ta cũng sẽ chết theo.*

Phu nhân Đề-xá-la-hy-đa thấy vua ưu sầu, tâu vua:

“Xin Đại vương chớ buồn rầu. Tôi sẽ làm vui lòng Đại vương.”

Vua nói:

“Nếu không có cây ấy, mệnh sống của ta cũng không còn. Như Lai nơi cây này đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu cây này không còn, ta sống để làm gì?”

Phu nhân nghe vua nói lời quyết định như thế, liền trở lại lấy sữa lạnh tưới dưới gốc cây Bồ-đề, cây từ từ sống lại. Vua nghe nói lấy sữa tưới cây sống lại, mỗi ngày vua cho ngàn thau sữa tưới gốc cây, cây sống lại như trước, các phu nhân tâu vua:

“Cây Bồ-đề tươi tốt lại như xưa. “

Nghe xong vua lấy làm mừng, vội đến dưới cây Bồ-đề nhìn chăm chăm không rời và nói kệ:

*“Việc các vua chưa làm,
Vua Bình-sa, Trì quốc,
Nay ta nên cúng dường,
Ta tắm cây Bồ-đề,
Bằng sữa và nước thơm,
Hương hoa và hương xoa,
Sẽ lại cúng dường Tăng,
Hiên thánh năm bộ chúng.”*

Vua cho bày bốn cái bồn báu bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê chứa đầy các thứ sữa thơm cùng các thứ nước thơm, đem các thứ thức ăn uống, tràng phan, bảo cái. Mỗi thứ có cả ngàn loại cùng với hương hoa kỹ nhạc. Vua thọ trì bát quan trai giới, mặc y phục sạch sẽ, ôm lò hương đến ở trên điện, hướng bốn phương làm lễ, tâm nghĩ miệng nói: ‘Đệ tử Hiên thánh của Như Lai ở các phương, xin thương xót con mà thọ nhận sự cúng dường của con’. Vua nói kệ:

*“Thánh đệ tử Như Lai,
Các căn thuận tịch tĩnh,
Lìa dục cả ba cõi,
Chư Thiên nên cúng dường;
Xin hãy nhóm nơi đây,
Nhận tâm lòng biết ơn,
Thương xót theo ý con,
Khiến giống pháp lớn mạnh.
Thường thích nơi vắng lặng,*

*Giải thoát những chấp trước,
 Chân tử của Như Lai,
 Từ pháp mà hóa sanh,
 Được chư Thiên cúng dường;
 Nên vì thương xót con,
 Nay xin đều nhóm lại,
 Theo ý mọn của con.
 Chư Thánh khắp các nơi,
 Kế-tân, Đa-ba-bà,
 Đại lâm, Ly-bà-đa,
 Bên ao lớn A-nậu,
 Khắp sông ngòi rừng núi,
 Như thế tất cả chỗ,
 Các Thánh ở trong đó,
 Nay nên đến nhóm lại,
 Xin vì thương xót con,
 Theo ý mọn của con.
 Lại ở trên cõi trời,
 Cung điện Thi-lê-sa,
 Trong thất đá Hương sơn,
 Bạc thân thông đầy đủ,
 Xin đều nhóm lại đây,
 Vì thương xót con vậy.”*

Lúc vua nói như vậy, ba mươi vạn Tỳ-kheo cùng tập hợp lại. Trong đại chúng ấy có mười vạn A-la-hán, hai mươi vạn các vị Hữu học và phạm phu Tỳ-kheo. Còn lại tòa của Thượng tọa không có người ngồi. Vua hỏi các Tỳ-kheo:

“Tòa của Thượng tọa sao không có người ngồi?”

Trong đại chúng có một Tỳ-kheo tên là Da-xá, là bậc A-la-hán đầy đủ lục thông, tâu vua:

“Tòa này là tòa của Thượng tọa, trong đây ai không dám ngồi.”

Vua lại hỏi:

“Ở chỗ Tôn giả có Thượng tọa chăng?”

Tôn giả Da-xá đáp:

“Tâu Đại vương, có Thượng tọa mà Phật đã huyền ký tên là Tân-

đầu-lư⁴⁵. Thượng tọa ấy xứng đáng ngồi chỗ ấy.”

Vua hết sức vui mừng nói rằng:

“Trong đây có Tỳ-kheo nào thấy Phật không?”

Tôn giả Da-xá đáp:

“Thưa Đại vương có ngài Tân-đầu-lư, ngài vẫn còn ở thế gian.”

Vua lại thưa:

“Có thể gặp được Tỳ-kheo ấy không?”

Tôn giả Da-xá đáp:

“Chẳng bao lâu sẽ gặp. Vị ấy sẽ đến ngay.”

Vua rấy hoan hỷ nói kệ:

*Sung sướng được lợi ích,
Vì nhiếp thọ cho con,
Khiến con tự mắt thấy,
Tôn giả Tân-đầu-lư.*

Bấy giờ, Tôn giả Tân-đầu-lư đem vô lượng A-la-hán thứ lớp đi theo, ví như con nham chúa từ hư không đến, ngồi vào chỗ Thượng tọa. Tỳ-kheo Tăng đều kính lễ, theo thứ lớp ngồi xuống. Nhà vua trông thấy Tôn giả Tân-đầu-lư râu tóc bạc trắng, như thân Bích-chi-phật. Vua sụp xuống lễ chân Ngài, quỳ dài chấp tay, chiêm ngưỡng dung mạo của Tôn giả và nói kệ:

*Con nay ở ngôi vua,
Thống lãnh Diêm-phù-đề,
Chẳng lấy làm hoan hỷ,
Nay được thấy Tôn giả,
Con nay thấy Tôn giả,
Như thấy Phật tại thế,
Lòng con đây phấn khởi.
Hơn cả thấy ngôi vua.*

Vua lại thưa Tôn giả:

“Tôn giả đã từng thấy Thế Tôn, bậc ba cõi đều kính ngưỡng, tôn sùng chẳng?”

Lúc đó Tôn giả Tân-đầu-lư lấy tay vén lông mày nhìn vua và nói:

⁴⁵. Tân-đầu-lư 賓頭盧. Skt. Piṇḍolabharadvāja.

*“Tôi được thấy Như Lai,
Thế gian không gì sánh,
Toàn thân màu vàng sáng,
Ba mươi hai tướng đẹp,
Mặt tịnh như trăng rằm,
Tiếng Phạm âm êm ái,
Hàng phục phiến não tránh,
Thường an trú tịch diệt.”*

Vua lại hỏi:

“Tôn giả thấy Phật nơi nào?”

“Tôn giả đáp:

“Khi Như Lai đem năm trăm vị A-la-hán đến thành Vương xá an cư lần đầu. Lúc ấy tôi cũng ở trong chúng đó.”

Và Tôn giả nói kệ:

*“Thế Tôn Đại Mâu-ni,
Hạng lìa đục vây quanh,
Ở tại thành Vương xá,
Kiết hạ tròn ba tháng.
Tôi ở trong chúng ấy,
Thường ở bên Như Lai,
Nay Đại vương nên biết,
Chính mắt tôi thấy Phật.”*

“Lại nữa, lúc Phật ở Xá-vệ, Như Lai hiện thân lực lớn, biến hóa đủ thứ, biến hình chư Phật đầy đủ khắp các phương cho đến cõi trời A-ca-ni-tra. Tôi lúc ấy cũng ở đó, trông thấy các tướng thần thông của Như Lai biến hóa.”

Tôn giả nói kệ:

*“Sức thần thông Như Lai,
Hàng phục các ngoại đạo,
Phật đạo khắp mười phương,
Chính tôi thấy tướng kia.”*

“Lại nữa, khi Như Lai ở tại cõi trời thuyết pháp cho Mẫu thân, tôi cũng có trong ấy. Khi thuyết pháp cho Mẫu thân xong, Ngài dẫn chư

Thiên từ trời xuống nước Tăng-ca-xa⁴⁶. Khi ấy tôi thấy hai việc này, trời, người điều phước lạc. Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-la⁴⁷ hóa làm Chuyển luân vương đem vô lượng quyền thuộc nương hư không đến chỗ Thế Tôn, tôi cũng thấy việc này.”

Rồi Tôn giả nói kệ:

*Như Lai trên cõi trời,
Ngài kiết hạ nơi đó,
Tôi cũng ở trong ấy,
Là quyền thuộc Như Lai.*

“Lại nữa, lúc Như Lai ở tại nước Xá-vệ cùng với năm trăm A-la-hán. Khi ấy con gái của trưởng giả Cấp Cô Độc đang ở tại nước Phú-lâu-na-bạt-đà-na⁴⁸. Một hôm cô này thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng. Khi ấy các Tỳ-kheo mỗi vị đều nương hư không đến chỗ thỉnh. Tôi cũng dùng thần lực hiệp núi lớn lại mà đi đến chỗ được thỉnh. Thế Tôn quở trách tôi, ‘Người đâu được hiện thần túc như thế. Bảy giờ, Ta phạt người sống mãi ở thế gian, không được vào Niết-bàn, hộ trì Chánh pháp của Ta chớ khiến cho diệt mất’.”

Rồi Tôn giả nói kệ:

*“Thế Tôn nhận lời thỉnh,
Cùng năm trăm Tỳ-kheo.
Tôi liền dùng thần lực,
Nhấc núi lớn mà đi.
Thế Tôn trách phạt tôi
Ở đời, khoan diệt độ,
Hộ trì Chánh pháp Phật,
Chớ để pháp diệt mất.”*

“Lại nữa, Như Lai dẫn chư Tỳ-kheo Tăng vào thành khất thực. Khi ấy vua cùng với hai em bé chơi đùa trên đất cát, thấy Phật từ xa đi tới, nắm một nắm cát dâng cúng Phật. Lúc ấy Phật thọ ký cho đứa bé kia: ‘Sau khi Ta diệt độ khoảng một trăm năm, đứa bé này sẽ làm vua

⁴⁶. Tăng-ca-xa quốc 僧迦奢國 . Pāli: Saṅkassa, thị trấn cách Sāvatti 30 dặm.

⁴⁷. Ưu-ba-la 優波羅, tức Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc. Skt. Utpalavarnā.

⁴⁸. Phú-lâu-na-bạt-đà-na quốc 富樓那跋陀那國. Skt. Puṇḍavardhana.